Phần Một

Đêm 31 tháng Tám

1

Cái bóng lạ

K

hoảng 10 giờ tối, cảnh sát Edward Watkins đi ngang cung điện St. James như ông vẫn làm nửa tiếng một lần vào những buổi tối phải trực thế này. Nhiều năm qua, ông đã đều đặn thực hiện đúng lộ trình đó mà không gặp sự cố gì. Thi thoảng chạm trán một tay say xỉn có phần ngỗ ngược không thể bỏ qua, nhưng đám đó cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Khu vực này rất yên bình, yên bình như cuộc đời cảnh sát viên của ông, khi ông đã đi mòn gót, tâm trí chỉ nghĩ về thời khắc nghỉ hưu sắp tới bên người vợ yêu quý của mình. Một cuộc đời chẳng có biến cố gì, thực vậy - cho tới đêm 31 tháng Tám năm 1938.

Hai bàn tay đan chéo sau lưng, chiếc mũ cát kéo sụp xuống đầu, thứ âm thanh duy nhất ông nghe được là tiếng bước chân của chính mình trong cái khu vực đang say ngủ, chìm trong bóng đổ của những tòa nhà gớm ghiếc cao ngất bao quanh. Đêm khá lạnh và màn sương nhẹ lững lờ buông xuống phần mặt tiền đầy vẻ hăm dọa. Ông rẽ xuống phố King, đi được nửa chừng thì dừng lại ngó qua vai, như một việc rất bình thường. Đúng lúc ấy, ông nghe tiếng bước chân ở đâu kia phố King, ngay chỗ ngã tư với phố Bury. Nhưng khi vòng trở lại, ông chỉ thấy cái bóng của một kẻ qua đường, hắt lên bức tường cách đó hơn chín mét nhờ một ngọn đèn đường năm ở góc ngã tư.

Cảnh sát Watkins đứng yên vài giây, miệng há hốc. Mặc dù chỉ thấy cái bóng trong một thoáng, ông cũng đủ nhận ra một điểm dị thường: Nó có cái mũi dài lạ lùng. Không phải dài hơn mức bình thường vài phân, mà dài một cách quái đản, dễ chừng bằng cả vành mũ rộng mà kẻ đó đang đội.

Quỷ quái gì vậy? Một gã cải trang thành chim chăng?

Edward Watkins đứng yên thêm vài giây nữa, tâm trí quay cuồng. Khi trấn tĩnh lại, ông rảo bước tới góc phố Bury và nhìn dọc xuống lối đi, vừa kịp thấy nhân vật kia sắp rẽ phải vào một hẻm ở quãng giữa phố, nơi hình như có thêm nhân vật khác đã đến từ trước. Watkins chưa xác định được nhân dạng của kẻ thứ hai, nhưng thoáng thấy thứ gì đó rất giống áo choàng.

Diễn biến tiếp theo khá nhanh. Nhân vật kia, có lẽ bị đánh động bởi tiếng chân bước của viên cảnh sát, quay phắt lại đối diện với ông và, lộ rõ vè ngạc nhiên, nó vọt nhanh vào ngõ hẹp.

Trong những tình huống bình thường, viên cảnh sát sẽ lập tức bám theo. Nhưng những gì ông vừa thấy - và đặc biệt là vào thời điểm đó - lạ lùng đến mức phải mất vài phút quý giá tâm trí ông mới phục hồi được. Nhưng các giác quan thì không hề phản bội ông và hình ảnh dị thường kia vẫn rõ rệt trong tâm trí: áo choàng dài đến mắt cá chân, đôi tay đeo găng, chiếc mũ rộng vành, và thay vì khuôn mặt, lại chình ình một chiếc mặt nạ trắng ởn mà ở chính giữa là cái mũi dài ít nhất cũng hơn ba mươi phân. Mặc dù chưa bao giờ nhìn thấy hình ảnh ấy bằng xương bằng thịt, nhưng ông đã xem đủ minh họa để hiểu ra: Ông vừa nhìn thấy một bác sĩ dịch hạch.

Một bác sĩ dịch hạch.

Đã từng có dịch hạch ở Luân Đôn.

Những câu chuyện về bệnh dịch khủng khiếp vụt qua tâm trí ông: Người chết nhiều như ruồi trên đường phố, quằn quại trong đau đớn, thân thể đầy mụn mủ, mí mắt thâm đen, gương mặt teo tóp. Xác chất đống lên xe đẩy, rồi trút xuống hào sâu bên ngoài thành phố, nơi một sự hoảng loạn không tên ngự trị, nơi gần như không thể trốn chạy, và nơi người sống trong những ngôi nhà bị nhiễm bệnh chết vì đói hơn là vì dịch hạch.

Viên cảnh sát xua dòng ý nghĩ hắc ám ấy đi và định thần lại. Ba trăm năm nay không còn dịch hạch ở Luân Đôn, đã có nhiều hiện pháp hiện đại để kiểm soát nó. Hơn nữa, các bác sĩ không còn lang thang trên đường phố trong bộ trang phục kỳ dị này nữa. Người ông vừa nhìn thấy hoặc là một người đi dự tiệc hoặc một dạng tội phạm nào đó đang chuẩn bị ra tay. Không, như thế thật vô nghĩa. Có nhiều cách kín đáo hơn để che giấu nhân dạng. Vậy thì là gì chứ?

Ông không cố suy luận nữa và chạy tới đầu ngõ hẻm. Không nhìn thấy bóng dáng ai trong con ngõ im ắng, tối om này cả. Ông tiến bước, thật chậm, mắt và tai căng ra cảnh giác. Ánh đèn lờ mờ phía sau những ô cửa sổ buông rèm. Ông tiến bước, quầng sáng từ chiếc đèn cầm tay lia qua lại cùng nhịp chân. Không có dấu hiệu nào của tay bác sĩ quái dị hay bất kỳ ai khác, nhưng có nhiều chỗ để ẩn náu: hiên, hốc tường, và lối vào các sân sau.

Nhất thời, viên cảnh sát tính gõ từng cánh cửa và thẩm vấn, nhưng rồi ông nhanh chóng từ bỏ ý định. Đám cư dân bị đánh thức sẽ nghĩ là ông điên khi lảm nhảm về các bác sĩ dịch hạch, hoặc ông sẽ tạo ra tình trang náo loạn không kiểm soát nổi.

Bởi vậy vừa đến cuối hẻm, ông liền quay lại và quyết định tiếp tục đi dọc phố Bury như bình thường. Ông cân nhắc mọi giả thuyết trong đầu nhưng không giả thuyết nào giải thích được sự hiện diện của một gã đàn ông từ thế kỷ trước với chiếc mặt nạ mũi dài màu trắng. Một lúc sau, ông bắt đâu tự hỏi phải chăng mình đã bị đôi mắt đánh lừa, nhỡ đâu đó chỉ là ảo giác sinh ra để cân bằng với sự đơn điệu quá đỗi trong công việc thường ngày, nhỡ đâu đó chỉ là tưởng tượng của một viên cảnh sát vốn chưa từng gặp bất ngờ nào nên trong tiềm thức luôn thèm muốn một chút thay đổi hứng khởi. Tương tự một dạng phiêu lưu mà đám thanh niên choai choai vẫn thường mơ tưởng. Rất có thể như vậy, thậm chí chắc chắn vậy. Vì đúng là chẳng có gì xảy ra với ông cả. Như câu nói ưa thích của cấp trên ông, “Anh Watkins, tất cả những gì chúng tôi cần làm để trả lại sự bình yên là cứ anh đến đó.”

Lộ trình quen thuộc đưa ông ngược phố Bury, ngoặt vuông góc, rẽ phải sang Bevis Marks, từ đó lại rẽ phải vào phố Duke và trở lại cung điện St. James.

Lúc 10 giờ rưỡi, khi băng ngang quảng trường lần nữa, Edward Watkins càng thêm tin chắc rằng mình đã mất trí ngắn hạn, và bắt đầu cho rằng về hưu sớm có thể là một ý hay. Không chỉ vì bản thân ông, mà còn vì cả các cư dân trong khu vực, những người có thể không còn tin rằng ông không hề bị điên nữa…

Chuông nhà thờ gần đó điểm 11 giờ, ngân những hồi u sầu trong đêm tối. Cảnh sát viên Watkins mỉm cười với chính mình trong lúc ngẫm nghĩ xem có nên kể với vợ về những sự kiện kỳ quái vừa rồi không. Chồng bà ấy, người vốn chưa gặp chuyện gì đáng kế, đã tình cờ đụng phải một tay bác sĩ dịch hạch ở Luân Đôn trong thế kỷ hai mươi! Nhưng ngẫm kỹ, tốt hơn là ông nên im lặng; nếu không, vợ ông sẽ chế giễu mãi chuyện này cho tới tận ngày ông nhắm mắt lìa trần. Ông thay đổi lộ trình của mình, rẽ trái ra khỏi phố Bury để vào Bevis Marks, rồi rẽ phải đi dọc theo phổ Goring. Và đó là nơi cơn ác mộng bắt đầu.

Đi được nửa phố Goring thì ông nhìn thấy một người đàn ông đứng dựa vào thùng rác bên phải đường, cách ông một quãng. Ánh sáng từ ngọn đèn bên kia phố soi tò khung cảnh. Lối đi nhỏ hẹp chạy giữa hai tòa nhà rộng chỉ khoảng ba mét và chiều dài gấp đôi chừng đó. Có một vòi nước uống nhỏ ngay trước bức tường cuối ngõ, một thùng rác kê sát tường bên phải, và hai thùng rác nữa kề bức tường bên trái. Người đàn ông vừa càu nhàu vừa lục lọi thùng rác gần mình hơn.

Lần thứ hai trong đêm Watkins ngạc nhiên dừng bước. Rõ ràng người đàn ông kia không phải dân lang thang, nếu không viên cảnh sát đã chẳng bận tâm. Chính việc anh ta ăn vận rất lịch sự với mũ chóp cao và áo choàng đen mới khiến ông thấy tò mò. Dưới chân anh ta là cây can bịt bạc và cái túi bác sĩ. Một bác sĩ, Watkins giả định như vậy, nhưng là người từ thế kỷ trước, đang lục lọi thùng rác vào lúc 11 giờ đêm.

“Đến lúc rồi, Kosminski,” người đàn ông lầm bầm mà chẳng buồn ngó lại. “Tôi nghĩ cậu chuồn rồi chứ. Bố khỉ, tôi hy vọng đừng ai phát hiện ra hắn quá sớm,” gã nói thêm, đóng chặt nắp thùng rác lại. “Lẽ ra chúng ta nên quẳng hắn ở chỗ nào khác. Tôi nói đấy, Kosminski, cậu nghe chưa?”

“Tôi sợ rằng ông nhầm lẫn rồi, thưa ông,” viên cảnh sát tuyên bố rất lịch sự nhưng cương quyết. “Tên tôi không phải Kosminski, tôi là Watkins và tôi là cảnh sát.”

Gã đàn ông quay phắt lại vẻ kinh ngạc, đúng như viên cảnh sát dự đoán.

“Ôi, ông sĩ quan,” gã thở hổn hển. “Ông làm tôi giật mình đấy.”

Watkins im lặng quan sát gã. Mớ tóc đỏ quạch phóng túng lộ rõ dưới chiếc mũ chóp cao, bên trên chiếc kính kẹp mũi dày cộp là hai hàng lông mày dày rậm, và bộ râu chải chuốt buông dài tới tận sợi dây xích đồng hồ lấp loáng vắt ngang ngực gã. Gã xỏ đôi găng tay màu bơ và đôi giày bóng nhoáng. Có một chi tiết gợi tò mò: gã đeo một chiếc túi vải bố nhỏ có quai quàng quanh cổ, bên ngoài chiếc gi-lê màu trắng.

“Ôi,” gã lạ mặt nói, như để phá vỡ sự im lặng. “Tôi nhẹ người khi thấy ông. Nhất thời tôi đã nghĩ có khi ông là một tay lưu manh chẳng có ý định tốt đẹp gì.”

Watkins vẫn im lặng. Ánh mắt ông đối xuống chỗ rác rưởi vương vãi khắp nền đường, cuối cùng đến cái thùng rác là chủ thể vừa bị lục lọi. Một lúc sau, ông hỏi:

“Thưa ông, ông có thể giải thích cho tôi xem ông là ai, ông đang làm gì ở đây, và ông đang tìm kiếm gì trong cái thùng rác đó được không?”

“Bác sĩ Marcus xin phục vụ ông,” gã đàn ông trả lời với cái cúi mình mà Watkins đánh giá là quá kịch. “Về những gì tôi đang làm ở đây, đó là một câu hỏi rất hay. Một câu hỏi tuyệt vời, mặc dù cũng là một câu hỏi khá tế nhị. Thưa ông thanh tra đáng mến của tôi, ông có thể thông tin cho cấp trên của ông tại Sở… Ông thanh tra, tên ông là gì nhỉ?”

“Tôi không phải thanh tra và tôi không làm việc cho Sở Cảnh sát Luân Đôn,” Watkins nói vẻ gay gắt. “Ông có thể gọi tôi là sĩ quan và cho tôi biết về công việc của ông ở đây.”

Bác sĩ Marcus mỉm cười và gặt đầu vẻ suy nghĩ.

“Dĩ nhiên rồi. Rất xin lỗi. Hệ thống thứ bậc trong quân đội và cảnh sát không phải là điểm mạnh của tôi. Tôi cho rằng sơ suất của tôi ‘sẽ không bị xem là nghiêm trọng’ chứ?”

‘Hoặc là gã đang công khai mỉa móc mình để chọc tức,’ Watkins nghĩ, và phải rất cố gắng giữ hình tỉnh, ‘hoặc gã vừa trốn khỏi một trại tâm thần.’ Ông đổi chiến thuật:

“Cho tôi biết, bác sĩ Marcus, ông có thường ăn vận như thế này không?”

Kẻ lạ mặt nhìn nhanhxuống trang phục của mình và lại nhìn lên vẻ phẫn nộ.

“Trang phục của tôi thì sao chứ? Không đủ nhã nhặn với các quý ông ở Sở Cảnh sát Luân Đôn chăng?”

“Dĩ nhiên không phải thế, ” Watkins đáp nhẹ nhàng, giờ tin chắc mình đang phải xử lý một bệnh nhân tâm thần trốn viện. “Rất nhã nhặn, chỉ hơi lỗi thời, nếu ông hiểu ý tôi.”

“Tôi hiểu rất rõ ý ông,” Marcus đáp trả, vè hung hăng thấy rõ. “Ông là một trong những kẻ cử vướng vào cái mốt hiện đại nhất thời, xem thường quá khứ và không có năng lực nhận thức vẻ đẹp đích thực…”

“Không, tôi…”

“Xin hiểu rằng, thưa ông thanh tra, tôi chỉ đi lại bằng ngựa và xe kéo. Cũng xin hiểu rằng tôi đã rời bỏ căn hộ của mình khi đèn khí đốt được thay bằng đèn điện. Xin hiểu thêm…”

“Đủ rồi,” Watkins ngắt lời dứt khoát. “Giờ cho tôi biết ông đang làm gì ở đây và ông đã giấu cái gì trong thùng rác đó, bác sĩ Marcus. Và chính xác ông là bác sĩ chuyên khoa gì?” Giọng ông đanh lại với câu hỏi cuối cùng.

Bác sĩ Marcus cười nhăn nhở.

“Tôi có ấn tượng rất rõ ràng rằng, thưa ông thanh tra, ông nghi ngờ tôi phạm lỗi gì đó, hoặc có khi là một trọng tội thậm chí có thể là giết người! Tôi sẵn sàng đi xa hơn nữa: Ông tin chắc tôi vừa vứt một cái xác vào đây,” gã nói, chỉ vào thùng rác mà viên cảnh sát thấy gã đang dựa vào.

“Chà…” Watkins do dự, có phần e dè. “Dù thế nào, nếu cứ nhìn chỗ rác rưởi tung tóe này, không hề phi lý khi nghĩ ông đang muốn tạo chỗ để chứa một thứ rất lớn. Thêm nữa, nếu lật lại những gì ông nói lúc trước: ‘Tôi hy vọng đừng ai phát hiện ra hắn quá sớm… Lẽ ra chúng ta nên quăng hắn ở chỗ nào khác,’ thì tôi có xu hướng nghĩ đó là một cái xác.”

“Ông đúng rồi!” Bác sĩ Marcus reo lên, vung hai tay như một kẻ chuyên quảng cáo ở hội chợ đang nêu tên người trúng số. “Điều đó đưa tôi đến một câu hỏi nữa của ông: Tôi là bác sĩ Marcus, Bác sĩ Tội phạm!”

‘Nói huyên thuyên rồi,’ Watkins nghĩ thầm, ‘và có khi khả nguy hiểm.’

Không đợi lâu hơn được nữa, viên cảnh sát bước lại chỗ thùng rác và nhấc nắp lên: chẳng có gì. Nó trống trơn ngoại trừ ít rác dưới đáy. Ông nhìn xoáy vào bác sĩ Marcus lúc này đang tỏ vẻ ngạc nhiên.

“Chẳng có gì ư?” gã hỏi.

“Không có gì,” viên cảnh sát gầm gừ.

Gã bác sĩ tự xưng lắc đầu, rồi trầm tư nhìn thùng rác đối diện.

“Có lẽ đằng kia chăng?”

Watkins bước lại và nhấc nắp lên, ném choang xuống đất. Thùng rác đầy ắp. Ông giận dữ sục tìm qua những thứ kinh tởm bên trong nhưng rồi bỏ cuộc ngay. Ông quay lại, ném vào Marcus một cái nhìn đằng đằng sát khi. Gã phản ứng lại bằng cách nhấc nấp thùng rác thứ ba, nằm kề thùng đầu tiên.

“Ngớ ngẩn thật,” gã nói. “Cái này cũng chẳng có gì.”

Viên cảnh sát đích thân kiểm tra, rồi đứng ngay cạnh gã bác sĩ tự xưng trong khi gã cúi người nhặt cây can và túi thuốc của mình lên. Ông trỏ vào túi vải bố lủng lảng trên cổ gã.

“Mà ông có thể cho tôi biết đây là gì được không, ông Marcus?”

“Đương nhiên. Túi này đựng bột thơm, một hỗn hợp gồm cánh kiến trắng, oải hương và hương thảo. Rất tốt khi mang theo người nếu phải xử lý một số loại tử thi nhất định.”

Edward Watkins không trả lời. Ông đang phân vân không biết có nên đưa gã điên này về đồn không thì bị một thứ mùi hăng nồng xộc vào mũi. Thứ mùi ông dễ dàng nhận ra ngay.

“Tôi khuyên ông, ông Marcus, ông nên về nhà và tắm thật kỹ cho hết mùi dấm chua. Tôi nghĩ ông ngấm mùi này trong lúc mò mẫm thùng rác…”

“Ông nhầm rồi, thanh tra ạ. Tôi xoa dấm lên má để…”

“Phải, phải. Thế là đủ. Nào, về nhà thôi, ông Marcus.”

“Bác sĩ Marcus,” gã kia trả lời. “Bác sĩ Tội phạm.”

Nói đoạn, gã giơ tay chào viên sĩ quan cảnh sát, xoay gót, vừa bước đi vừa vung vẩy cây can. Đến đầu ngõ hẻm, gã quay người lại:

“Hãy ngó qua thùng rác đầu tiên đi. Làm sao biết được…”

Edward Watkins rủa thầm, chỉ cần gã điên này nói thêm một câu thì ông sẽ lôi cổ gã về đồn. Nhưng thực tế đó là những lời cuối cùng của bác sĩ Marcus, vì gã lập tức xoay gót và biến mất cùng động tác tung áo choàng.

Viên cảnh sát nghe tiếng bước chân xa dần, sau đó xem xét thùng rác gã vừa nhắc đến. Ông nhún vai. Gã còn điên rồ hơn ông tưởng. Gã hy vọng làm ông tin có xác chết trong cái thùng vừa nãy còn rỗng không. Chuyện đó không chỉ ngớ ngẩn, mà còn tuyệt đối không thể. Ông mỉm cười, nhấc nắp lên.

Và không thể tin vào mắt mình.

Quả nhiên có một xác chết.

Trong thùng.

2

Điều không thể

P

hản ứng tức thì của Edward Watkins là móc cây đèn cảnh sát ra để bảo đảm mình không phải là nạn nhân của một trò chơi khăm. Rồi ông lao bổ tới phố Goring để đuổi theo Marcus. Đến ngã tư giao với Bevis Marks, không nhìn thấy một bóng người nào, ông dừng lại. Kẻ bỏ trốn kia chỉ cần chuồn trước ông độ hai mươi giây là kịp lẩn được vào bất kỳ lối đi và ngõ hẻm nào trong số cả nửa tá mà gã nhìn thấy. Watkins rúc mạnh còi, chạy trở lại phố Goring một cách vô vọng. Ông lao qua Bevis Marks, lùng sục phố Bury và phổ Duke, nhưng đều vô ích. Một lúc sau, ông gặp cảnh sát viên Harvey đang đi tuần gần đó. Ông giải thích tình hình và cả hai trở lại ngõ hẻm kia. Dưới ánh sáng của hai cây đèn, họ im lặng xem xét cái xác nằm trong thùng rác. Đó là một thanh niên đã được gập người lại để hai đầu gối co lên tận cằm. Watkins kéo mạnh mớ tóc đen gợn sóng để nhìn rõ mặt. Nước da nạn nhân bệch bạc còn nét mặt co cứng biểu thị sự đau đớn cùng cực. Dưới mắt có quầng và mí mắt thâm tím. Một vết thương rất kỳ lạ dưới cố và hai gò mà có những đốm lớn.

“Trừ phi tôi lú lẫn,” Harvey nhận xét, “còn không, anh chàng tội nghiệp này ốm rất nặng. Cứ nhìn mặt anh ta xem.”

Watkins buông mái tóc như thể nó đang đốt cháy tay ông vậy. Sau đó, theo đề nghị của đồng nghiệp, ông kể lại các chi tiết liên quan đến phát hiện ghê rợn của mình.

“Một câu chuyện thật khó tin,” Harvey nói. “Anh có chắc cái xác không hề ở đó trong lần đầu tiên anh nhìn vào thùng rác không?”

“Chắc chắn,” Watkins trả lời. “Tôi biết đó là điều không thể và sẽ chẳng ai chịu tin tôi…”

“Khoan đã,” Harvey nói. “Khi kiểm tra thùng rác đối diện, anh quay lưng lại Marcus à?”

“Tôi hiểu ý anh. Gã có thể tranh thủ lúc bấy giờ để nhét cái xác đang nằm… đâu đó vào thùng rác.”

“Đúng, và anh sẽ không phát giác ra hành động này do những tiếng ồn anh tao ra trong lúc lục soát thùng rác kia.”

Watkins lắc đầu.

“Rất tiếc, không thể như vậy được. Như anh thấy đấy, chỗ này đủ sáng. Làm gì có chuyện tôi không nhìn thấy cái xác nếu nó nằm đó. Chẳng có chỗ nào mà giấu. Thêm nữa, không hề có lấy một ô cửa sổ nhìn xuống ngõ hẻm này. Còn một khả năng mong manh nữa là nó có thể bị bức tường đằng sau thùng rác kia che khuất,” ông trở thùng rác bên cạnh cái thùng chứa nạn nhân xấu số.

“Hoặc thậm chí bên trong.”

“Khả năng đó còn thấp hơn, bởi tôi chỉ xoay lưng lại chừng năm, sáu giây. Không lâu hơn, tôi dám chắc như vậy. Anh biết rõ mang vác một cái xác chết khó khăn như thế nào rồi đấy. Không thể nào nhét cái xác vào thùng trong khoảng thời gian ngắn như vậy được. Đặc biệt với tình trạng của anh chàng tội nghiệp này. Chắc chắn đó là công việc cực kỳ khó khăn.”

“Đúng,” Harvey rầu rĩ thừa nhận. “Đúng, để tôi gọi thêm chi viện.”

Watkins theo đồng nghiệp tới góc phố Bevis Marks. Những hồi còi vang vọng của ông đã đánh thức cả khu. Một vài cánh cửa sáng lên, bên trong ô cửa sổ tầng trệt của một ngôi nhà ở góc phố Goring nằm cách ngõ hẻm ít nhất ba mươi thước, ông nhìn rõ hai khuôn mặt áp vào kính. Cảm thấy băn khoăn với những biểu hiện tò mò bệnh hoạn như vậy, ông trừng mắt nhìn họ lúc băng qua.

Được vài bước, Watkins nghe tiếng cửa sổ mở ra sau lưng mình. Ông xoay lại, sẵn sàng nện bất cứ kẻ nào xuất hiện nhưng vẻ mặt phờ phạc của người đàn ông ló đầu ra đã khiến ông thay đổi ý định.

“Xin lỗi ông, ông sĩ quan,” một giọng run run cất lên, “ông đã tìm thấy anh ấy chưa?”

“Ông đang nói về ai vậy?”

“Người ở trọ chỗ chúng tôi, David Cohen. Anh ấy bị ốm nặng và…”

“Ôi dào!” Watkins xẵng giọng, vì cả tiếng qua đã rất bận rộn rồi. “Còn đi dạo được tức là không ốm nặng quá đâu.”

“Nhưng ông không biết ư?” Người đàn ông sợ hãi. “Anh ấy biến mất khỏi hành lang và anh ấy mắc dịch hạch.”

Watkins cảm thấy hai đầu gối mình nhũn ra. Ông đang sống trong cơn ác mộng. Ông đứng đó một lúc lâu để quan sát lão giả như vừa bước ra từ một cuốn tiểu thuyết của Dickens. Một bóng ma, hay chính xác hơn là Lão Hà Tiện, với cái mũi nhọn và đôi môi mỏng. Một người phụ nữ tóc bạc đứng sau lão, cũng mang nét mặt hốc hác: chắc là bà vợ. Chính vào thời khắc đó, ông nhận ra trên cổ họ cũng đeo cái túi vải bố giống bác sĩ Marcus.

“Các bác sĩ không cảnh báo ông ư?” lão già hỏi.

“Bác sĩ nào?” Watkins cảm thấy khó khăn lắm mình mới bật ra được những lời ấy.

“Bác sĩ Ross, Sheldon và… tên người kia là gì nhỉ, Emily?”

“Bác sĩ Marcus,” mụ vợ trả lời.

Watkins móc khăn tay, nhấc mũ lên, và lau mồ hỏi trên trán. Đêm càng dài, ông càng thấy thắc mắc vì mọi việc. Những lời tiếp theo của hai vợ chồng nhà Minden cũng chẳng giúp ích gì. Ngược lại, lời khai vắn tắt và rời rạc của họ còn khó hiểu hơn bất kỳ điều gì ông từng nhìn thấy hoặc nghe thấy.

Nhưng ít nhất ông biết mình không hề nằm mơ. Phần mô tả của họ về bác sĩ Marcus khớp với nhân dạng gã điên ông gặp trong ngõ hẻm. Còn bác sĩ Ross và Sheldon, đeo mặt nạ trắng, đội mũ rộng vành và có mũi dài, không còn nghi ngờ gì nữa, ông đã nhìn thấy một trong số họ vào lúc 10 giờ trên phố Bury. Nhưng xử lý mọi việc sao đây? Và còn anh chàng thuê trọ đột nhiên bị nhiễm dịch hạch, kẻ đã biến mất khỏi hành lang như có phép thuật thì thế nào?

“Anh chàng David Cohen này,” ông hỏi, “là một thanh niên có mái tóc gợn sóng màu đen phải không?”

Họ gật đầu.

Bằng một cử chỉ đột ngột, viên cảnh sát giơ cánh tay lên và hãi hùng nhìn bàn tay phải của mình, bàn tay đã nắm tóc người chết.

“Sao vậy, ông sĩ quan?” Louise Minden thắc mắc.

“Không sao. Không có gì.”

“Ông không nghĩ chúng tôi nên tới bệnh viện sao? Với căn bệnh về…”

“Đừng lo. Một bác sĩ, một bác sĩ đích thực, sẽ đến đây trong vài phút nữa. Cho nên, giờ tôi muốn ông bà cho tôi vào trong để có thể ghi lại chi tiết lời khai của ông bà.”

Mất chừng mười giây, cánh cửa bên trái ô cửa sổ mở ra. Louis Minden mời viên cảnh sát vào một tiền sảnh nhỏ, cánh cửa kính mờ mịt hơi nước dẫn tới một hành lang dài chìm trong bóng tối lờ mờ. Ngay bên trái là lối vào buồng cầu thang, còn bên phải là cửa căn buồng của chủ nhà. Mụ Minden đứng gần lối vào cầu thang, cái bóng gầy gò hiện lên trong ánh sáng lờ mờ.

Mụ ngoảnh nhìn về phía cầu thang và rầu rĩ nói:

“Tất cả khách thuê phòng của chúng tôi đều sống trên gác… Trừ anh Cohen,” mụ nói thêm, trò một ngón tay xương xấu vào ô sáng hình chữ nhật phía cuối hành lang.

Watkins xem xét cải lối đi hẹp kết thúc ở cửa phòng vị khách trọ đã chết. Cánh cửa phòng mở toang, hắt thử ánh sáng ảm đạm lên hành lang lát gạch sẫm màu bốc mùi ẩm mốc. Trời lạnh và ẩm, nhiệt độ trong nhà còn thấp hơn bên ngoài. Chẳng hề thấy chút hơi ấm nào tỏa ra từ căn buồng của vợ chồng Minden, nơi dường như cũng lạnh lẽo và hắc ám như chính chủ nhân của nó.

Watkins nhìn quanh.

“Ở đây không có đèn à?”

“Ờ… không,” Louis Minden yếu ớt trả lời. “Hành lang này chỉ dẫn tới phòng anh Cohen thôi, cho nên chúng tôi thấy không cần phải… Nhưng ở buồng cầu thang thì có đèn.”

“Phải. Chà, tôi vẫn đang nghe đây.”

“Chúng tôi ở trong phòng khách lúc nghe thấy những tiếng rên rỉ và kêu gào vọng ra từ phòng anh Cohen. Chúng tôi đến xem có chuyện gì.”

“Lúc ấy là mấy giờ?”

“Khoảng 10 giờ 20 phút. Tôi có nhìn đồng hồ. Chúng tôi ở đúng chỗ chúng tôi đứng lúc này, và vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy cái bóng, phải là vài cái bóng, trong phòng anh Cohen. Cửa phòng anh ta mở, ông thấy đấy. Họ xếp hàng lần lượt, đối diện với chúng tôi, và có vẻ đang mang thứ gì đó ở giữa. Nhưng thực lòng, điều thật sự làm chúng tôi ngạc nhiên là trang phục lạ lùng cũng những cái mặt nạ nhợt nhạt… và những cái mũi dài ngoằng của họ. Có một người đội mũ chóp cao, gật đầu chào khi ông ta nhìn thấy chúng tôi. Ông có thể tới ngó phòng Cohen nếu ông muốn. Chúng tôi thì ở đây thôi. Ông có thể kiểm tra hành lang. Ông sẽ thấy không hề có khoảng hở nào từ đây đến phòng đó.”

Sau một thoáng lưỡng lự, Watkins đi tới. Đúng là không hề có lối mở nào: không có cửa sập dưới sàn hay trần nhà, và không có cửa sổ hay cửa ra vào trong hành lang. Chẳng có gì ngoại trừ những viên gạch lát màu đỏ thắm và giấy dán tường màu lục đã cũ, phủ lên những chỗ vữa thủng bên dưới. Nửa chừng bên tay phải, ông nhận ra hình thù một khuôn cửa bên dưới lớp giấy dán tưởng đã bạc màu. Ông ngoái lại:

“Cái gì đây?” ông chỉ tay hỏi.

“À, vâng,” lão Minden giải thích. “Trước kia, có một cánh cửa nữa dẫn tới căn hộ của chúng tôi. Nó đã bị bịt kín khi chúng tôi sửa chữa.”

Watkins đích thân kiểm tra để biết chắc rằng bức tường thực sự chắc chắn, rồi mới tiếp tục đi tới ngưỡng cửa phòng David Cohen. Ông dừng lại, úp tay che miệng và nhìn vào bên trong. Đó là một nơi tồi tàn với rất ít đồ đạc, bức tường ẩm thấp được sơn màu vàng nay đã bong tróc. Có một ô cửa sổ có chấn song nhưng không có rèm che trên bức tường đối diện cửa. Bên trái của sổ là một bồn rửa và bên phải là một lò nhỏ hình trụ. Có một chiếc tủ quần áo bằng gỗ thông dựa vào bức tường bên phải. Gần đó, ngay bên tay phải Watkins, là một cái giường sắt, cạnh đó là hộp đựng nhạc cụ, một đống bản nhạc, một gói thuốc lá, và cái gạt tàn.

Viên cảnh sát lần trở lại chỗ vợ chồng Minden và hai người này tiếp tục câu chuyện của họ mà chẳng cần phải giục.

“Thế là chúng tôi cùng họ vào trong phòng. Hai vị bác sĩ dich hạch đứng ở đây, khiêng một cái cáng đặt anh Cohen tội nghiệp đang rên rỉ rất đau đớn. Gương mặt anh ta nhợt nhạt kinh khủng và trên mặt có những đốm lớn… cùng một vết thương đáng sợ ở cổ. Cái người có râu đó và đội mũ chóp cao cầm một ống tiêm trên tay. Ông ta cứ nói ‘Đừng sợ. Đừng sợ. Tôi chắc các vị là chủ nhà.’ Đương nhiên chúng tôi đáp “Phải’, và ông ta nói tiếp: ‘Tôi là bác sĩ Marcus, còn đây là bác sĩ Ross (người đứng ở phía trước cáng) và bác sĩ Sheidon (ông này gật đầu và lầm bầm vài từ). Người thuê nhà của ông bà bị ốm rất nặng. Chúng tôi có mọi lý do để tin rằng đó là dịch hạch.’ ”

Louis Minden dừng lại rồi kể tiếp:

“Ông có thể hình dung chúng tôi sốc thế nào không. Chúng tôi cứ đứng đờ ở đó mà chẳng nói được một lời, không tài nào hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Sau đó bác sĩ Marcus nhấc cái túi của ông ta lên và ra hiệu cho chúng tôi theo ông ta. Ra hành lang, ông ta bảo chúng tôi đừng lo, nhưng tốt nhất là nên phòng ngừa trước. Ông ta lấy từ túi ra hai cái lọ nhỏ, cùng hai gói được buộc với nhau bằng một sợi dây. Tôi không nhớ chính xác lời ông ta nói, nhưng đại để ông ấy nói thế này: ‘Đây, hai vị thân mến, đeo những thứ này quanh cổ. Bên trong có đủ các thảo dược khiến mọi loại sâu bọ tránh xa. Lọ này thì chứa dấm. Bôi một ít lên mặt và tay các vị. Uống vài viên thuốc trong lọ này và chắc chắn các vị sẽ ổn.’

“Chúng tôi làm theo lời ông ta, chắc ông cũng hình dung được. Rồi Emily hỏi tại sao hai vị bác sĩ kia lại ăn vận như thời xưa vậy.

“ ‘Đó là luật. Vâng, nó vẫn còn hiệu lực, mặc dù có thể hơi lạ lùng. Việc vận chuyển những người bị nhiễm dịch bệnh này luôn phải được thực hiện bởi những bác sĩ ăn mặc thế này để cảnh báo những người khác. Dĩ nhiên, ngày nay trông có vẻ kỳ cục, bởi chẳng hề có trường hợp nào đã hơn hai trăm năm rồi. Có thể đây là một sơ sót trong luật, nhưng tôi không muốn mạo hiểm làm trái quy định. Giờ, tôi có vài câu hỏi cho ông bà. Để mở đầu, xin hỏi ông bà biết gì về anh Cohen?’

“ ‘Không nhiều, mặc dù anh ta thuê nhà chúng tôi khoảng ba năm rồi. Tôi nghĩ anh ta vốn từ Ba Lan đến. Anh ta là một nhạc sĩ và thường về nhà rất khuya, nên chúng tôi không thường xuyên gặp. Và anh ta cũng không hay trò chuyện. Dù sao thì, không hay trò chuyện với chúng tôi.’

“ ‘Lần cuối ông bà nhìn thấy anh ta là khi nào và trông anh ta ra sao?’

“ ‘Hôm kia, trông hoàn toàn bình thường. Ý tôi là, chẳng có gì lạ lùng trong cách hành xử của anh ta cả.’

“ ‘Anh ta có tiếp xúc với những người ở trọ khác không?’

“ ‘Không, tôi không nghĩ vậy. Thực ra, tôi chắc chắn rằng anh ta không hề gặp ai.’

“ ‘Hừm… Các vị biết đấy, thưa ông bà Minden, dịch hạch vẫn là một bệnh rất nguy hiểm, ít nhất là khi đã đến một giai đoạn nhất định.’

“ ‘Ông nghĩ anh Cohen sắp chết u?’

“ ‘Việc đó không nằm ngoài khả năng. Tình hình anh ta rất tệ.’

“ ‘Nếu anh ta chết thì ai sẽ trả cho chúng tôi ba tháng tiền nhà anh ta còn nợ đây?’

“ ‘Tôi nghĩ lúc này có nhiều ưu tiên khác. Tôi đặt cho ông bà những câu hỏi này bởi chúng tôi muốn biết liệu anh ta có lây nhiễm cho bất kỳ ai khác trong nhà không và cả chuyện anh ta có thể nhiễm bệnh từ đâu nữa. Hãy cho tôi biết, những phòng khác ông bà cho thuê cũng tồi tàn như phòng của anh Cohen à?’

“ ‘Bác sĩ Marcus, chúng tôi chỉ thu tiền nhà rất khiêm tốn, và chúng tôi không thể trang bị đồ đạc sang trọng hơn cho các phòng được.’

“ ‘Đây không phải là lời khiển trách mà là cảnh báo. Tôi phải nói với ông bà rằng toàn bộ căn nhà này có thể sẽ bị kiểm tra y tế chặt chẽ. Chúng tôi biết dịch hạch chỉ xảy ra ở nơi có các điều kiện không vệ sinh. Nếu cuộc kiểm tra xác thực rằng đúng như vậy thì ông bà sẽ tốn kém đấy. Nhưng lúc này chuyện đó chỉ là tiểu tiết. Ngay bây giờ, ông bà có cảm thấy đau chỗ nào không?’

“ ‘Không hề, mà ông vừa bảo rằng chúng tôi không gặp nguy hiểm sau những bài thuốc ông đưa mà.’

“ ‘Hiện giờ thì ông bà không thể bị lây bệnh. Nhưng nếu ông bà đã tiếp xúc với nguồn bệnh thì đó lại là vấn đề khác. Nhưng cứ yên tâm, tôi sẽ quay lại và khám cho ông bà sau. Trong lúc đó, tôi muốn ông bà nhìn bệnh nhân lần cuối cùng trước khi chúng tôi mang anh ta đi, chỉ để bảo đảm không nhận diện nhầm. Cẩn tắc vô áy náy mà.’

Thế là chúng tôi quay trở vào phòng anh Cohen. Cùng chút lo lắng, tôi xin bổ sung như vậy. Anh Cohen nằm trên cáng và vẫn kích động như trước. Chúng tôi xác nhận đúng là anh ấy. Hai vị bác sĩ kia bận luôn chân luôn tay. Bác sĩ Ross cứ loạng choạng vì bệnh nhân quằn quại còn bác sĩ Sheldon thì thở dài đầy ngụ ý. Bác sĩ Marcus tuyên bố: ‘Chà, chúng tôi sẽ đi. Ông bà Minden, tôi gợi ý ông bà nên trở lại phòng mình và đợi tôi trở lại.’ Bác sĩ Marcus đưa chúng tôi quay lại hành lang, tới tận cửa phòng chúng tôi ở đây và tạm biệt. Rồi ông ta ra hiệu cho đồng nghiệp vẫn đang đợi trong phòng anh Cohen.”

“Tôi nhớ có nhìn theo họ vào lúc đó,” mụ Minden chen vào. “Họ di chuyển rất chậm và khó nhọc như thể đang gặp khó khăn vì thứ họ phải khiêng cứ xoay trở dữ dội. Mọi thứ tạo thành một cái bóng rất khó xác định trong hành lang. Khi đi được nửa đường, họ ngã xuống. Ít nhất là có một bác sĩ ngã, nhưng ông ta đứng lên rất nhanh. Có một vài tiếng hô và ai đó nói: ‘Coi chừng! Hắn đang bỏ chạy.’ ”

“Rất khó nhìn rõ chuyện gì xảy ra,” Louis Minden tiếp tục, “bởi vì chúng tôi chỉ nhìn được mấy cái bóng do ánh sáng yếu quá. Chúng tôi chạy lại chỗ họ. Đến đây, tôi phải nhấn mạnh, chẳng thấy ai chạy qua chúng tôi, cũng chẳng thấy ai chạy tới cầu thang, tới phòng chúng tôi, hay tới cửa ra phố. Tôi sẵn sàng thề như vậy và vợ tôi cũng thế, và bác sĩ Marcus cũng vậy nếu ông ta có mặt ở đây. Như ông thấy đấy, ông sĩ quan, trong hành lang không sáng lắm, nhưng vẫn đủ để biết nếu có ai đó chạy qua mình. Đặc biệt, chúng tôi lại đang rất cảnh giác vì cứ ngỡ bệnh nhân tìm cách chạy qua. Sheldon và Ross cứ sục sạo tới lui từ vị trí cái cáng ụp xuống bức tường… tới vị trí đã bị xây bít.

“ ‘Chuyện quái gì thế?’ Marcus càu nhàu.

“ ‘Hắn nhảy khỏi cáng,’ một bác sĩ trả lời. ‘Nhưng tôi không biết sau đó hắn biến đi đâu.’

“ ‘Đúng là hắn biến mất,’ bác sĩ kia lắp bắp. ‘Cứ như thể hắn đi xuyên qua tường… chỗ kia,’ chỉ tay về chỗ cánh cửa đã bị xây bịt.

“ ‘Các anh điên rồi à?’ Bác sĩ Marcus quát, đá rất mạnh vào cái cáng, khiến nó lật nhào. ‘Hắn quay trở lại phòng hắn rồi, có vậy thôi. Ross, ra chặn trước cầu thang phòng trường hợp hắn tìm cách thoát khỏi chúng ta. Sheldon, đi với tôi. Đi với chúng tôi, ông bà Minden, để ông bà chỉ cho chúng tôi biết những chỗ ẩn nấp được trong phòng hắn.’

“Chúng tôi làm theo. Nhưng chẳng có ai ở đó. Căn phòng trống trơn. Không hề có dấu vết nhỏ nhất của anh Cohen. Ông vừa xem căn phòng rồi đấy, ông sĩ quan. Chổ ẩn nấp duy nhất là cái giường và cái tủ. Rõ ràng chúng tôi đã tìm kiếm trong tù, trong đó chẳng có gì ngoài quần áo. Cũng chẳng có ai dưới gầm giường. Còn cửa sổ có chấn song và không thể lọt qua được. Thêm nữa, nó lại được khóa từ bên trong.

“Bác sĩ Marcus đứng ở cửa, nhìn chúng tôi tìm kiếm và càng lúc càng thắc mắc giống như chúng tôi. Ông ta quay lại hành lang. Một lúc sau, chúng tôi theo ông ta, cùng với bác sĩ Sheldon, người giúp chúng tôi lục soát căn phòng. Bác sĩ Marcus giữ cánh tay bác sĩ Ross, ông này đứng dựa vào bức tường gần cầu thang. Có vẻ ông ấy thì thầm gì đó vào tai bác sĩ Ross. Khi chúng tôi đến gần, ông ta nhìn bác sĩ Sheldon rất lạ. Thế rồi, tay vẫn giữ bác sĩ Ross, ông ta nói: ‘Đừng lo, ông bà Minden, chúng tôi sẽ thu xếp mọi việc. Chúng tôi sẽ tìm hắn, đừng sợ. Quay trở lại phòng ông bà và khóa cửa lại. Lát nữa tôi sẽ quay lại sau.’

“Chúng tôi làm theo, trong trạng thái khiếp hãi. Lúc đó chắc phải 11 giờ kém 20 phút. Chúng tôi nghe thấy họ thì thào trong hành lang, sau đó họ bỏ đi. Lạ là họ không đi xe hơi. Hoặc nếu có đi thì họ không đỗ gần đây vì chẳng hề thấy tiếng động cơ. Chúng tôi cũng không nhìn thấy họ đi qua trước cửa sổ phòng mình. Chắc họ đi ra phố theo mé bên kia. Nửa tiếng sau, chúng tôi nghe thấy tiếng còi cảnh sát và rồi thấy ông.”

Im lặng. Watkins nhìn cặp vợ chồng già một lát. Bất chấp thứ ánh sáng lờ mờ trong hành lang, ông có thể thấy vẻ cau có lo lắng cũng như những nét hốc hác tiều tụy của họ. Họ đang xoa xúyt hai bàn tay xương xẩu và môi run run. Lại một lần nữa, viên cảnh sát nhớ đến nhân vật Lão Hà Tiện và những bóng ma của lão.

“Tôi biết ông đang nghĩ gì, thưa ông sĩ quan,” lão già nói. “Ông nghĩ chúng tôi hóa rồ và dựng lên mọi chuyện.

Xin Chúa chứng giám, mọi thứ chúng tôi vừa kể với ông đều là sự thật.”

Đúng lúc đó vang lên tiếng còi cảnh sát. Watkins vội rời đi với lời hứa sẽ trở lại ngay cùng với một bác sĩ và các đồng nghiệp.

Khi đã ra ngoài, viên cảnh sát hít vài hơi thật sâu, như thể để xua đi thứ không khí của ngôi nhà hắc ám. Những ngọn đèn đường vẫn đứng cạnh con phố yên ắng và hắt thứ ánh sáng hung hiểm lên những viên đá lát gồ ghề. Bên tay phải, ông nhìn thấy ánh đèn xe cảnh sát. Ông từ từ đi về phía đó, sợ hãi khi nghĩ đến việc phải thuật lại chi tiết cho cấp trên từng sự kiện kinh khủng mà ông vừa chứng kiến: một kẻ bị nhiễm dịch hạch mất hút khởi hành lang có người canh chừng, để rồi không lâu sau xuất hiện trở lại trong tình huống kỳ quái không kém - ngay trong một thùng rác cách hành lang chưa đầy trăm thước.

3

Bế tắc

V

à đây là sự thật, không có gì khác ngoài sự thật,” một giọng nói cất lên trong làn không khí đặc mùi khói thuốc của quán Ba Con Chuột Mù vào chập tối vài ngày sau đó. “Tôi từng nghe vài chuyện lạ lùng trong sự nghiệp của mình, như anh biết đấy, Twist, nhưng anh phải thừa nhận câu chuyện này đủ khiến anh phải vò đầu bứt tai. Mỗi sự thật lại càng làm mọi chuyện thêm phi lý. Ơn giời, chúng tôi đã tìm cách bịt miệng báo chí rồi. Cứ hình dung xem phản ứng ra sao nếu tất cả các chi tiết được tiết lộ. Đám kền kền chết tiệt ngoài kia sẽ tha hồ bầu xâu vào.”

Thanh tra Archibald Hurst, một người to béo tầm tuổi 50 với nước da hồng hào, vừa cùng bạn ông là tiến sĩ Alan Twist đọc báo cáo của cảnh sát viên Edward Watkins về buổi tối ngày 31 tháng Tám.

“Như vậy, anh Twist,” ông tiếp tục, “anh nghĩ sao về vụ này?”

Ở phía đối diện, người đàn ông ngoại ngũ tuần dáng dấp sang trọng đang trầm ngâm vuốt bộ ria mép hoàn hảo của mình. Cao và rất gầy, thoạt nhìn, Alan Twist có vẻ là một quý ông hòa nhã và thanh thản chào đón mỗi ngày mới của tuổi hưu trí bằng sinh lực và hứng thú mới. Chỉ có ánh nhìn như xuyên thấu từ đôi mắt xanh biếc phía sau cặp kính kẹp mũi gợi ý rằng: trên thực tế, ông là một nhà tội phạm học nổi tiếng. Cái dáng cao lêu nghêu của ông là hình ảnh quen thuộc trong văn phòng Sở Cảnh sát Luân Đôn danh tiếng, và luôn được chào đón bất cứ khi nào có vấn đề khó khẩn cần giải quyết.

“Chà, chắc chắn quá độc đáo, người ta thậm chí có thể nói là nực cười,” ông khẽ trả lời. “Dĩ nhiên, ngoại trừ chàng nhạc sĩ bất hạnh.”

Viên thanh tra uống một hơi dài cho cạn cốc bia và bực hội càu nhàu:

“Lẽ ra tôi nên biết. Vụ việc càng cường điệu, thì nó càng kích thích, mê hoặc anh giống như anh gặp tình huống rắc rối trong kịch vậy. Khó chịu ở chỗ, tôi rất ghét kiểu rối rắm này. Nhưng, như thường lệ, nó lại cứ rơi vào tôi. Thậm chí người ta còn chẳng tỏ ra tôn trọng tôi bằng việc gõ cửa nhà và nói rằng tình huống này cần đến những khả năng đặc biệt của tôi cơ. Họ cứ thế vứt toẹt hồ sơ lên bàn tôi thôi!”

“Thôi nào, Archibald, đừng than phiền nữa. Cá nhân tôi thấy trường hợp cũng khá thú vị. Giờ kể tôi nghe phần còn lại của câu chuyện, vì tôi không cho rằng anh chàng tội nghiệp kia chết vì dịch hạch.”

“Dĩ nhiên là không. Anh ta bị đâm hai nhát vào bụng, như báo chí đã đưa tin. Những đốm trên mặt, mí mắt thâm quầng, vết thương ở cổ: chỉ là phần hóa trang khéo léo. Theo giám định viên, anh ta chết lúc 11 giờ kém 15 phút, nói cách khác là không lâu sau khi biến mất khỏi hành lang. Cha mẹ anh ta là người Do Thái gốc Ba Lan, đều đã qua đời. David Cohen là con một và dường như không có họ hàng nào ở Anh Quốc. Anh ta chơi kèn clarinet tại một hộp đêm ở Soho. Các thành viên khác của nhóm nhạc nói anh ta vui vẻ nhưng khá kín tiếng. Theo họ được biết, anh ta không có kẻ thù nào cả. Về cuộc sống riêng của Cohen, họ chỉ có thể nói là từng nhìn thấy anh ta đi cùng một cô gái vài lần lúc khá muộn, và mô tả đó là ‘một cô búp bê thật sự với mái tóc đen ông ả’. Không ai biết cô ấy là ai, nhưng họ tin chắc sẽ nhận ra được nếu trông thấy. Họ nói Cohen tiêu rất nhiều tiền kể từ hồi gặp cô ta. Điều đó có thể lý giải tại sao anh ta lại nợ tiền thuê nhà ba tháng liền.

“Giờ chúng ta chuyển sang gia đình Minden. Chẳng có gì đáng nói ngoại trừ chuyện họ rất cẩn thận với tiền bạc của mình. Thậm chí có thể nói là keo kiệt. Họ sống tằn tiện dù tài khoản ngân hàng cho phép họ chi tiêu rộng rãi hơn… cho dịch vụ sưởi ấm căn hộ của họ chẳng hạn. Nói một cách khác, họ gần như khổ sở với ý nghĩ bị mất ba tháng tiền nhà. Liệu đó có thể là động cơ phạm tội không? Phải chăng họ bịa đặt toàn bộ câu chuyện kỳ quái này để che giấu những việc đã làm? Không, như thế rất vô lý. Trước hết, anh không đời nào giết thịt con ngỗng đang đẻ trứng, thứ lỗi cho cách diễn đạt của tôi. Và tôi không cho rằng họ có khả năng nghĩ ra một câu chuyện ngớ ngẩn đến thế. Dù thế nào, cảnh sát Watkins cũng đã nhìn thấy một ‘bác sĩ dịch hạch’ và trực tiếp trò chuyện với bác sĩ Marcus. Bản thân tôi biết Watkins, có thể bảo đảm về tính chính trực và theo đó là những lời khai của ông ấy. Chứng tỏ nhà Minden không hề bị ảo giác. Tôi bất đắc dĩ mới phải nói vậy, nhưng ba nhân chứng của chúng ta đều nói sự thật, dù có thể nghe rất vô lý.”

“Tôi đồng ý, Archibald,” Twist đáp lời, với vẻ thích thú không kìm nén. “Có manh mối nào không?”

“Không nhận ra dấu vân tay nào cả. Đám bác sĩ Marcus, Sheldon và Ross đều đeo găng và, khỏi nói cũng biết, chẳng có biên chế ở cơ sở y tế nào. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu mấy cái túi tí xíu bọn họ đưa cho nhà Minden có thể dẫn ta tìm đến họ. Mấy điếu thuốc trong cái gói tìm thấy dưới chân giường khác loại với số còn lại, đều được vấn bằng tay. Có một ít hashish trộn lẫn với thuốc lá. Về lý thuyết, có thể đó là một đường dây ma túy, nhưng dù sao tôi vẫn không nghĩ vậy, vì chơi thuốc là chuyện không hiếm gặp trong giới nghệ sĩ và nhạc sĩ. Mà liều lượng cũng chẳng cao lắm.”

“Một lần nữa, tối tán thành với anh. Thêm vào đó, những kẻ buôn bán ma túy giải quyết vấn đề rất nhanh và tàn nhẫn, không có thời gian để biên soạn những chuyện kỳ quặc đâu. Còn gì nữa không?”

“Không. À khoan… có đấy. Có người đã mang tới Văn phòng Đồ thất lạc một cây can bịt bạc. Người ta nhặt được nó trước cửa một căn nhà trong hẻm gần phố Bury, vào khoảng 10 giờ rưỡi đêm 31 tháng Tám. Watkins tin rằng đây chính là cây can bác sĩ Marcus sử dụng, nghe chừng hợp lý vì không hề có dấu vân tay nào. Một mẫu can cũ, vẫn còn được sử dụng. Nó có thể là một manh mối mà cũng có thể không.”

“Kỳ quái,” tiến sĩ Twist lầm bầm, mắt lim dim.

“Cái gì kỳ quái? Anh nghĩ bác sĩ Marcus cố tình vứt lại chăng?”

“Không, dĩ nhiên là không. Rõ ràng gã bỏ nó lại trong lúc lẩn trốn. Điều kỳ quái là… thôi khỏi bận tâm. Cùng trở lại những sự kiện chính trong buổi tối đáng nhớ ấy theo đúng trật tự diễn biến nào. May ra nó giúp chúng ta hiểu thêm điều gì đó:

“10 giờ tối. Watkins bắt gặp một ‘bác sĩ dịch hạch’ ở phố Bury. Ông ấy nghĩ mình nhìn thấy một kẻ mất dạng vào ngõ nhỏ. Tôi không cho rằng mình cầm đèn chạy trước ô tô khi nhận định thế này: cái bóng là một trong những kẻ tự xưng bác sĩ, đang trên đường tới gặp David Cohen sống cách đó chỉ chưa đây hai trăm thước.

“10 giờ 20 phút tối. Vợ chồng Minden nghe thấy tiếng người ở trọ của họ kêu rên. Họ đi ra hành lang và bắt gặp vài người lố nhố tụ tập trong phòng David Cohen.

“10 giờ 35 phút tối. David Cohen biến mất khỏi hành lang.

“10 giờ 40 phút đến 10 giờ 45 phút tối. Marcus, Ross và Sheldon bỏ đi. Chính trong khoảng thời gian này, David Cohen bị giết bằng vài vết đâm vào bụng.

“11 giờ 5 phút tối. Watkins phát hiện bác sĩ Marcus đang đứng tựa vào một thùng rác rỗng… và thấy xác David Cohen năm phút sau đó trong chính cái thùng rác ấy.

“11 giờ 20 phút tối. Watkins thẩm vẩn vợ chồng Minden.

“11 giờ 45 phút tối. Xe cảnh sát và nhân viên kiểm tra y tế đến.

“Ít nhất người ta có thể nói rằng có rất nhiều câu hỏi còn để ngỏ. Giả thuyết đơn giản nhất là, coi mọi chuyện là kết quả của tình trạng bất ổn về tâm thần của ai đó, nhưng việc biến mất và về sau lại tái xuất hiện của người quá cố cho thấy giả thuyết này không chính xác. Vậy thì tại sao, tại sao phải dàn dựng một màn kịch công phu đến thế? Phải chăng tất cả chỉ để nhằm vào nhà Minden?”

“Đương nhiên chúng tôi đã tính tới khả năng đó,” Hurst nhã nhặn đáp, “nhưng không tìm thấy bằng chứng nào dù là mong manh nhất về động cơ cho vụ này. Nhà Minden sống khép kín và chẳng ai quan tâm đến họ, họ cũng không có con cái. Thêm nữa, chỉ có Watkins chứng kiến ‘màn trình diễn’ của tay bác sĩ Marcus trong ngõ hẻm. Gã bày ra cốt để cho viên cảnh sát xem chăng? Không hề, bởi không ai biết ông ta sẽ gặp vợ chồng Minden và nghe kể về hoạt cảnh lúc trước, tôi dám nói như thế. Chỉ chắc chắn một đĩêu, ba kẻ tự xưng bác sĩ là đồng phạm. Liệu David Cohen có chung nhóm với bọn chúng không? Trong trường hợp nào thì cũng không đúng, vì anh ta bị sát hại kia mà. Có thể ba kẻ kia đánh thuốc anh ta và hóa trang làm anh ta nghĩ mình mắc bệnh dịch hạch. Nhưng trong trường hợp đó, tại sao phải loại bỏ anh ta quá sớm nếu ý định là làm cho anh ta hoang mang? Và mục đích của màn ‘tái xuất hiện’ trong thùng rác là gì?

“Điều đáng quan tâm là liệu vụ giết hại David Cohen là mục tiêu cuối cũng hay chỉ là một chi tiết nhỏ trong cả bức tranh lớn. Tôi không biết anh thì sao, Twist, nhưng tôi thiên về giả thuyết sau. Khó mà hình dung được là bọn sát nhân lại mạo hiểm tìm cách đánh lạc hướng các điều tra viên như vậy.”

“Tôi đồng ý, nhưng như thế cũng chẳng giúp chúng ta tiến xa hơn được chút nào. Chúng ta vẫn không biết mục đích. Tất cả chuyện này có ý nghĩa gì?”

Không gian lặng hẳn đi, ít nhất ở chỗ bàn của họ, trong một góc tối của quán rượu. Những chỗ khác, khách khứa vẫn la hét om sòm, mải mê với cuộc trò chuyện nên chẳng chú ý gì đến hai nhà thám tử. Mấy ngón tay khỏe khoắn của viên thanh tra ngừng gõ lên bàn. Ông nhìn thẳng vào mắt bạn mình:

“Tôi nghĩ chúng ta có thể khẳng định chắc chắn có sự đồng lõa giữa ba tay bác sĩ. Tạm thời, chúng ta hãy quên di động cơ của bọn họ. Tôi không nói cả ba đến sát hại anh chàng nhạc sĩ, nhưng Marcus chắc chắn có liên can. Cuộc trò chuyện ngắn của gã với Watkins đã khẳng định điều này. Nào, về sự xuất hiện của cái xác, Watkins quả quyết rằng ông ấy đã nhìn thấy một xác chết thật sự và, rất có khả năng, khi cảnh sát Harvey đến thì thi thể họ nhìn thấy vẫn là cái xác ấy. Anh đồng ý với tôi chứ? Như thế chúng ta có thể loại trừ khả năng một kẻ mạo danh lén chui vào thùng rác giả chết, đợi viên cảnh sát quay đi rồi mới thay xác thật vào. Làm sao một xác chết xuất hiện được trong thùng rác lúc trước còn trống không? Watkins thề rằng ông ấy chỉ rời mắt khỏi nó có một lúc để quay sang kiểm tra cái thùng ngập rác kê áp vào bức tường đối diện thôi. Chúng ta đã xác minh được rằng một người không thể tự mình di chuyển một cái xác vào vi trí đó trong khoảng thời gian ngắn như vậy được. Hai người phối hợp cùng nhau thì có thể. Nhưng bác sĩ Marcus là kẻ duy nhất có mặt. Và trong bất kì trường hợp nào thì rốt cuộc cái xác từ đâu chui ra? Anh vẫn đang nghe đấy chứ, Twist?”

Nhà tội phạm học có vẻ quan tâm đến chuyện nhồi tấu thuốc hơn là những giả thuyết của người bạn. Ông ngước lên và viên thanh tra nhận thấy ánh nhìn ranh mãnh quen thuộc trong mắt ông.

“Thực tế đúng là vậy. Những nhận xét của anh rất sắc sảo. Nhưng tôi quan tâm đến vụ biến mất trong hành lang hơn. Tôi đoán chừng rằng khu vực đó đã được tìm kiếm rất kỹ càng và chẳng phát hiện ra lối đi bí mật nào, phải không?”

“Việc đó quá dễ. Chẳng có gì cả, dĩ nhiên vậy rồi. Chúng tôi đã kiểm tra mọi bức tường, nền, trần nhà, thậm chí cả chấn song cửa sổ. Chẳng thấy gì. Chúng tôi đã thẩm vấn nhà Minden về hoạt cảnh trứ danh trong hành lang, từ lúc hai gã bác sĩ dịch hạch bắt đầu xuất hiện cho tới khi Cohen biến mất. Họ khăng khăng rằng lời khai của họ là đúng và như thế loại trừ được những giả thuyết suy đoán.

“Trước khi tiến xa thêm theo hướng này, tôi muốn trở lại với ba gã bịp bợm và cách giả trang của chúng. Tôi nói ba bởi vì rõ ràng bác sĩ Marcus cũng mang đồ hóa trang. Bộ tịch một bác sĩ từ thế kỷ trước của gã quá hoàn hảo nên khó lòng là thật được. Bộ râu, mái tóc giả và chiếc kính cặp mũi với mắt kính dày cộp: Toàn bộ đều là giả và có khi cả giọng nói nữa. Watkins và nhà Minden không thống nhất về âm sắc, nhưng họ đều nhất trí rằng giọng nói đã cố tình bị làm méo đi. Ross và Sheldon đều mặc trang phục bác sĩ dịch hạch giống nhau với áo choàng dài cùng các phụ kiện. Chúng tôi đã hỏi nhà Minden xem họ có phân biệt được bọn chúng không, và họ nói là có. Ross, kẻ cầm phần đầu cáng, mặc thêm một chiếc áo khoác ngắn màu đen buông đến thắt lưng. Gã cũng bè người hơn kẻ có chiều cao trên mức trung bình là Sheldon. Có một chi tiết nữa anh cần biết, sau đây anh sẽ nhận ra tại sao: áo choàng của bọn chúng dài chấm mắt cá, có rất nhiều khuy ở đằng trước.

“Bản khai của nhà Minden khiến tôi nảy ngay ra ý này. Trước khi hai kẻ khiêng cáng dừng lại vì lỡ trớn, rất có thể cả đám đã đi dọc hành lang với Cohen luồn lách ở giữa. Vợ chồng Minden đảm bảo rằng bác sĩ Marcus, bấy giờ đang vội vã tiến về phía họ, không che khuất gì hết và họ vẫn bao quát được nếu có người bỏ trốn. Họ quả quyết là không có ai dưới cáng, nói cách khác là trên sàn nhà. Họ cũng chắc chắn cả Ross lẫn Sheldon khó lòng che giấu ai đó trên vai mình, dưới lớp áo choàng dài chẳng hạn. Cũng tức là, họ cam đoan vào thời điểm ấy không có ai khác trong hành lang ngoại trừ hai bác sĩ dịch hạch, Marcus, và vợ chồng họ.”

Thanh tra Hurst dừng lại một lúc để ra hiệu lấy thêm đồ uống.

“Trước thái độ khăng khăng của nhà Minden, chúng tôi phải từ bỏ giả thuyết của mình. Chúng tôi thậm chí đã kiểm tra thị lực họ, và thấy rất ổn. Đành nghĩ đến một hướng tiếp cận khác: liệu có sự thay thế nào giữa nạn nhân và một trong những kẻ khiêng cáng không, đặc biệt Ìà bác sĩ Ross. Ý tưởng này này ra dựa vào thực tế là, ngay trước khi ba kẻ bịp bợm của chúng ta rời đi, vợ chồng Minden bắt gặp bác sĩ Marcus dìu đỡ Ross một cách khá dị thường, như thể Ross bị mệt.… Nói cách khác, tên này mới chính là nạn nhân. Nhưng một vụ thế thân sẽ hàm ý sự đồng lõa của Cohen. David Cohen khỏe mạnh lại giả vờ bị ốm chăng? Không hợp lý lắm. Thêm vào đó, việc thay thế chỉ thực hiện được ở một thời điểm duy nhất. Vợ chồng Minden đã nhìn thấy người ốm trong phòng, khi anh ta còn sống và đúng là nằm trên cáng.

“Sau đó, họ quay lại hành lang để tới cửa buồng của mình, bác sĩ Marcus đi theo. Chưa đầy một phút tiếp theo thì cuộc đón rước nho nhỏ kia bắt đầu tiến ra hành lang. Vợ chồng nhà Minden không nhìn rõ được, nhưng họ có thể thấy chuyển động của những cái bóng. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi và trong điều kiện như thế, làm sao Cohen khoác lên mình cái áo choàng vừa thay ra của một trong các bác sĩ dịch hạch được chủ? Một tên cởi khuy chiếc áo choàng dài của mình, còn tên kia cài khuy lại, đại để như vậy chăng?”

“Tôi đồng ý là việc đó khó lòng xảy ra,” Twist bình tĩnh đáp lời. “Có thể làm được, nhưng không phải vào lúc nhà Minden vẫn đứng chình ình ở đầu kia của hành lang.”

“Và, trong trường hợp nào,” Archibald Hurst nói tiếp kèm một tiếng thở dài chán nản, “điều đó cũng không làm thay đổi bản chất của vấn đề, vì bác sĩ Ross đã biến đi đâu? Bởi lẽ, xin thề có Chúa, có người nào đó thật sự đã biến mất! Hoặc từ trong phòng hoặc từ hành lang.”

“Và chưa đầy nửa giờ sau, David Cohen hiện hữu lần nữa trong một thùng rác.”

Viên thanh tra nện mạnh nâm đấm xuống bàn.

“Đó là điều khiến tôi bực hội nhất, anh Twist! Chi tiết biến mất rồi xuất hiện trở lại kỳ lạ không kém. Không thể được.”

“Tôi chưa hiểu, bạn thân mến.”

“Ý anh là sao, anh không hiểu tôi à?”

“Nếu một người có khả năng biến mất, thì việc anh ta có khả năng xuất hiện trở lại cũng hợp lý thôi.”

Hurst chừng như sắp nổi đóa. Vừa hay người ta bưng ra cốc bia mới với lớp bọt hấp dẫn làm ông bình tĩnh lại.

“Tôi cho rằng anh nghĩ anh thật hài hước,” ông nói, sau khi uống hết nửa cốc.

“Nghe đây, Archibald, nếu tôi được phép đưa ra nhận xét về cách anh xử lý vụ này…”

“Cứ tự nhiên. Tiếp tục đi!”

“Chà, xem chừng anh bị ám ảnh với mấy phen xuất hiện rồi biến mất quá nên chẳng để tâm đến tất cả những gì còn lại.”

“Chẳng lẽ vậy?” Viên thanh tra nói, kèm theo nụ cười nhăn nhở cho thấy ông còn nhiều là bài khác sắp đặt lên bàn. “Thoải mái mà nói, tôi thừa nhận anh có hơi làm tôi thất vọng. Bởi vì hình như anh không tiếp nhận được một chi tiết quan trọng: những lời nói của bác sĩ Marcus khi Watkins nhìn thấy gã dựa vào thùng rác. Gã nói về chuyện không được phát hiện quá sớm và lẽ ra nên để ở chỗ khác, rõ ràng là đang đề cập đến cái xác của David Cohen, và cả về một gã Kosminski nào đó, kẻ mà gã nghĩ là mình đang nói chuyện cùng. Chúng ta có đủ lý do để tin rằng hoạt cảnh này không phải là dàn dựng và bác sĩ Marcus bị bắt quả tang. Watkins có nhắc đến một chi tiết trong báo cáo của ông ấy, rằng: Marcus có vẻ khá run khi bị cảnh sát chất vấn.

“Nếu chúng ta xem xét hành vi của gã ngay sau đó, mọi việc không có vẻ phi lý như bề ngoài. Gã chỉ bị bất ngờ, cho nên cố gắng kéo dài thời gian bằng một màn trình diễn kỳ quái và gây trở ngại, gần như điên rồ. Nhưng đó là sự điên rồ có liên quan đến tội ác, vốn rất láu cá bởi viên cảnh sát đang đối diện gã nghi ngờ rằng có một xác người trong thùng rác nhưng rồi tỏ ra bối rối trước những trò hề lạ thường của nhân vật tự nhân là một Bác sĩ Tội phạm. Điều tôi định nói là nếu bác sĩ Marcus hành xử khác đi thì Watkins sẽ lập tức nghi ngờ rằng gã đang tìm cách đánh bài chuồn. Sự thực, Marcus đã sử dụng mánh khỏe để đánh lừa Watkins.

“Do đó chúng ta có thể suy luận như sau:

“Một. Bác sĩ Marcus có một kẻ tòng phạm tên là Kosminski.

“Hai. Kosminski chắc chắn là một trong mấy bác sĩ dịch hạch.

“Ba. Tính cách Marcus rất đáng chú ý. Gã bình tĩnh, hoạt ngôn, nhanh chân và có khả năng diễn xuất.”

“Rất tuyệt vời, Archibald,’ Twist lên tiếng, kèm ánh mắt ngưỡng mộ khiến ông bạn phải phác một cử chỉ thể hiện sự khiêm tốn.

“Cực kỳ tuyệt vời. Tôi biết chắc anh sẽ không tin nếu tôi nói đó là một trong những suy nghĩ đầu tiên vụt đến với tôi.” Nụ cười tự mãn đọng trên gương mặt viên thanh tra vài giây rồi mới tan hắn. “Đáng tiếc, có quả nhiều Kosminski ở Luân Đôn này nên không thể xác định được kẻ chúng ta cần. Chúng tôi đã tìm cách, nhưng đành phải bỏ cuộc. Nói thật lòng, Twist, tôi sợ vụ việc bí ẩn khó hiểu này sẽ không có lời giải trừ phi vài ngày tới xuất hiện thêm yếu tố mới để mọi việc sáng tỏ hơn.”

Mặc dù xuất hiện hơi muộn, yếu tố mới mà Hurst hy vọng cuối cùng cũng đến. Thậm chí có thể nói nó tìm tới tận nơi đập của nhà viên thanh tra. Nhưng nói nó làm cho mọi việc sáng tỏ hơn thì không hề. Trên thực tế, chuyện lạ lùng xảy ra đêm cuối tháng Tám vừa qua chỉ là khúc dạo đầu của một trong những vụ án khó khăn và xương xẩu nhất trong sự nghiệp của Archibald Hurst.

Phần Hai

Thách thức chết người

4

Vị khách

Chiều thứ sáu  
tuần đầu tháng Mười một.

H

ai tháng sau, khi những tia nắng cuối cùng của vầng dương đang hạ xuống và biến mất sau màn sương, tiếng chuông cửa reo vang trong căn hộ dễ chịu gần quảng trường Trafalgar của tiến sĩ Twist khiến ông và ông bạn thanh tra Hurst choàng tỉnh khỏi trạng thái mơ màng. Hai người đàn ông đã có một buổi chiều thu tuyệt vời, bình tĩnh trò chuyện trên những chiếc ghế bành thoải mái và, ít nhất là một lần, chủ đề của họ không phải về vụ án mới nhất. Lúc này đây, câu chuyện bí ẩn vẫn chưa có lời giải đáp ở phố Goring đã là một ký ức xa xăm. Sau này, Hurst nói rằng âm sắc của tiếng chuông cửa hôm ấy khác hẳn hình thường, rằng âm thanh vốn trong như pha lẽ của nó bồng đổi ra lạo xạo và thê lương, nghe như một điềm xấu. Tuy vậy, ông vẫn giữ nụ cười hòa nhã trên gương mặt hồng hào lúc Twist rời khỏi phòng khách. Một lúc sau, Twist trở vào cùng người đến thăm.

Đó là một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, cao gầy với mái tóc nâu cắt rất ngắn. Anh ta mặc áo choàng rộng, đơn giản nhưng được cắt thanh lịch. Trong đôi mắt màu xám sít gần nhau có sắc thái do dự. Hai thám tử im lặng quan sát anh ta, tin chắc rằng họ chưa hề gặp người này bao giờ.

“Tôi là Peter Moore,” anh ta nói, hơi cúi người. “Tôi rất biết ơn ông, tiến sĩ Twist, vì đã đồng ý gặp tôi dù chỉ mới được báo trước. Tên tôi chẳng có ý nghĩa gì với ông, tôi tin chắc vậy, nhưng ông chủ của tôi thì chắc chắn là có.” Đến lúc này anh ta mới chú ý đến Archibald Hurst và dừng lại.

Tiến sĩ Twist giới thiệu viên thanh tra Sở Cảnh sát Luân Đôn, và vị khách run rẩy.

“Tôi chắc anh có điều gì đó rất quan trọng cần nói với tôi, anh Moore,” tiến sĩ Twist vui vẻ nói. Phản ứng của vị khách không thoát khỏi sự chú ý của ông.

“Có lẽ sự hiện diện của nhân viên hành pháp khiến anh bối rối,” Hurst nói, kèm theo một nụ cười hằn học. “Mà trong trường hợp này thì tôi có thể suy luận…”

“Không, không, không hề,” người mới đến lịch sự trả lời. “Tôi chỉ hơi ngạc nhiên trước cơ hội đươc diện kiến ông. Vì những gì tôi phải kể có lẽ cũng sẽ là mối quan tâm của cảnh sát.”

“Ồ? Đó là chuyện gì vậy?” viên thanh tra hỏi với vẻ quan tâm khác hẳn.

Peter Moore nghiêng đầu:

“Tôi có đủ lý do tin rằng có kẻ đang lên kế hoạch cho một vụ giết người.”

Bầu không khi lặng đi. Mái tóc chải chuốt cẩn thận trên đầu viên thanh tra hất về phía trước. Tiến sĩ Twist giúp vị khách của mình cởi áo choàng và mời anh ta ngồi xuống.

Mất vài giây, Peter Moore gõ gõ những ngón tay dài lên tay vịn của ghế rồi mở lời, vẻ ngập ngừng:

“Trước khi tôi bắt đầu, các ông phải hứa giữ kín câu chuyện, ít nhất là hiện giờ, khi chưa có gì xảy ra. Nếu bất kỳ chi tiết nào của việc này lọt đến tai ông chủ tôi, tôi sẽ bị sa thải đấy.”

“Nếu chắc chắn là có một vụ giết người đang được lên kế hoạch thật, anh bạn của tôi,” Hurst càu nhàu, “không thể trông đợi tôi giữ im lặng được.”

“Vấn đề là, tôi không dám chắc. Các nhân vật tôi sắp nói đến đều khá đặc biệt. Một mặt, người ta có thể nghĩ đây chỉ là trò đùa, nhưng mặt khác nó có thể nghiêm túc đến mức chết người. Các ông sẽ hiểu sau một phút nữa thôi. Các ông hứa với tôi được không, thưa các ông?”

“Tôi xin hứa với anh,” tiến sĩ Twỉst khẽ trả lời.

“Rất tốt,” Archibald Hurst lầm bầm. “Dù thế nào đi chăng nữa, xem ra chúng tôi không có nhiều lựa chọn rồi.”

Peter Moore đặt một ngón tay lên gò má mình vẻ trầm ngâm.

“Lúc nãy, tôi nói có lẽ các ông nhận ra tên ông chủ của tôi. Đó là ông Gordon Miller.”

Đôi mắt Twist ánh lên phía sau cặp kính kẹp còn Hurst sững lại lúc đang châm điếu xì gà của mình. Cả hai đều nhìn vị khách nhưng chẳng thực sự để tâm.

Gordon Miller là một nhân vật được biết đến rộng rãi trong ngành biểu diễn. Các nhà sản xuất sân khấu và điện ảnh xun xoe để có được từng dự án mới của ông. Chỉ riêng tên tuổi Gordon Miller đã là một sự bảo đảm cho thành công. Ông luôn viết những kịch bản bí ẩn, nhưng thế mới là kịch bản chứ! Những cốt truyện, những kiệt tác nho nhỏ về các tình huống không giải thích được với phần kết đơn giản đến ngoạn mục của ông thu hút ngày càng đông đảo khán giả và người ái mộ, trong đó có cả tiến sĩ Twist và thanh tra Hurst. Đánh giá của Gordon Miller về các vấn đề hư cấu kỳ bí có sức ảnh hưởng lớn, và rất nhiều tác giả âm thầm tị nạnh với trí tưởng tượng phong phú của ông. Bốn mươi lăm tuổi, có khuôn mặt với những đường nét hài hòa nhẹ nhõm bên dưới làn tóc dày phóng túng, ông sống trong một ngôi nhà lộng lẫy ở Nam Kensington. Người ta nói tài sản của Gordon đủ để ông sống thoải mái nốt phần đời còn lại, và rằng ông tiếp tục làm việc chỉ vì tình yêu nghệ thuật.

Tên tuổi của Gordon Miller gắn chặt với tên tuổi một nam diễn viên cũng rất nổi tiếng là Donald Ransome, người Mỹ, nhưng đã rời khỏi nước Mỹ được năm năm. Ransome là một người điển trai vạm vỡ, năm nay bốn mươi tuổi mà trông chỉ như ba mươi, xuất hiện trong phần lớn sản phẩm của ông Gordon. Tác giả này thậm chí còn viết những vở kịch riêng cho anh ta, và anh ta biểu diễn đặc biệt hăng hái. Công chúng, cho dù đã quá quen với tác phẩm của Gordon, vẫn thường xuyên rơi vào những cái bẫy ác hiểm mà ông giương ra và liên tục ngạc nhiên khi nhân vật phản điện bị vạch mặt, mặc dù gần như chắc chắn đó luôn là nhân vật của Donald Ransome. Ngoài tài năng của một tài tử, Ransome còn thể hiện thái độ điềm tĩnh đặc biệt và những kỹ năng ứng khẩu, như cư dân Luân Đôn đã được chứng kiến một năm trước trong buổi trình diễn cuối cùng vở Án mạng ảo thuật. Một trong các diễn viên bị mệt ngay trên sân khấu… đúng vào thời điểm quan trong, nhưng Ransome cực kỳ nhanh trí đưa ra phương án chữa cháy cho một trong những cốt truyện phức tạp nhất của Gordon Miller bằng việc ứng khẩu đoạn kết mới. Đó là một thành công phi thường khiến cho nhiều người tin rằng tác giả đã tìm được nghệ sĩ diễn xuất hoàn bảo các vở kịch của mình.

Hai người đàn ông ấy là bạn bè thân thiết của nhau, bất chấp vô số lời đồn đại về điều ngược lại. Người ta thường thấy họ ở các buổi tiếp tân, trao cho nhau những nụ cười và thân thiện vỗ lưng nhau, nhưng có người nói rằng đó chỉ là giả bộ và rằng sự thật họ ghét nhau kinh khủng. Một số bài báo đã đăng tải những vụ cãi vã nảy lửa của họ trong tiệc cocktail. Dư luận bị chia rẽ. Với một số người, Gordon và Ransome là hai kẻ hay pha trò đem chính họ ra mua vui khiến báo chí mất uy tín; với những người khác, họ đang cố gắng nói dối để bảo vệ lợi ích của mình. Còn với Twist, ông có quan niệm rằng nếu một trong hai người ấy tìm cách áp dụng nghệ thuật của mình vào đời thực thì đó sẽ là một đối thủ ghê gớm.

“Tiến sĩ Twist và tôi,” Hurst tuyên bố, giấu đi ánh mắt thăm dò đằng sau làn khói thuốc, “từng gặp ông Gordon một hai lần tại tiệc chiêu đãi. Ông ấy tuyển dụng anh trong mảng nào vậy, anh Moore?”

“Tôi là thư ký riêng và thỉnh thoảng làm lái xe cho ông ấy. Nhưng tôi còn có những nhiệm vụ khác, như trông nom bộ sưu tập vũ khí của ông chẳng hạn, đây cũng là vấn đề không nhỏ chút nào. Tôi phục vụ ông ấy được hai năm rồi, ngay sau khi bà Miller mất.”

Twist nghĩ mình phát hiện được một thoáng thay đổi trong ngữ điệu ở câu cuối cùng, nhưng không nói gì cả. Cũng như Hurst, ông biết rõ kết cục buồn thảm của bà vợ Gordon, kết hôn được ba năm thì qua đời vì chết đuối.

“Anh là nhân viên duy nhất của ông ấy à?” Hurst hỏi.

“Không, nhưng tôi là người duy nhất sống trong cùng một mái nhà. Có một phụ nữ dọn vệ sinh đến làm bốn lần một tuần và một đầu bếp chỉ đến vào buổi sáng.”

“Vậy anh nghi ngờ một tội ác đang được lên kế hoạch,” Hurst chậm rãi tiếp tục, như thể nhấm nháp từng âm tiết. “Chắc chắn anh không có ý định thử thuyết phục chúng tôi rằng chính ông Gordon đang lên kế hoạch việc đó chứ?”

Moore nhìn thẳng vào mắt viên thanh tra, nhưng gương mặt anh tái nhợt đi.

“Chính xác lại là như vậy.”

Sự im lặng sau câu nói đó càng rõ rệt bởi tiếng ồn của phương tiện giao thông trên phố.

“Chính xác là như vậy,” viên thanh tra lặp lại. “Tôi muốn biết làm sao anh đoán chắc được về một vụ án mạng ở thì tương lai.”

Peter Moore gật đầu vẻ suy tư và rút ra một bao thuốc lá.

“Tốt nhất là kể từ đầu,” anh ta nói. “Nhưng một lần nữa tôi phải đề nghị các ông không tiết lộ bất kỳ điều gì tôi nói chừng nào chưa xuất hiện tình tiết mới khẳng định thật sự có một âm mưu giết người. Ông Gordon vừa cho tôi nghỉ phép một tuần, và ngày mai tôi sẽ đi Leeds để thăm bố mẹ.”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu,” tiến sĩ Twist nói, hơi nghiêng đầu và mỉm cười. “Anh nghi ngờ sẽ có chuyện xảy ra trong thời gian anh đi vắng và anh nghĩ có ai đó cần phải biết.”

“Đúng như vậy,” Peter Moore đáp lời, mắt hơi nheo lại và gương mặt sáng lên nhờ ánh diêm anh ta đưa lên để châm điếu thuốc. “Nào, bắt đầu từ đây…”

5

Câu chuyện của Peter Moore

L

úc gần 3 giờ chiều ngày hôm kia, tôi ra ngoài để lau rửa chiếc Bentley. Có lẽ các ông biết nhà ông Gordon ở Nam Kensington chứ? Ngôi nhà xây bằng gạch đỏ từ thời Victoria, nằm phía sau khu Harrington Gardens, từ ngoài phố nhìn vào thì chỉ thấy được chóp nhà. Trước nhà có một vạt có dài, trải thoai thoải xuống đến chân hàng rào sắt trồng cây thủy lạp. Đường xe chạy viền cây bụi dẫn vào được vài mét thì quặt sang phải, đánh một vòng rộng quanh vạt cỏ rồi tiếp tục chạy thẳng đến cửa nhà. Chính giữa vòng rộng này có một đài phun nước bằng đá rất trang nhã, trên đỉnh gắn pho tượng tiểu nữ thần tạc từ cẩm thạch trắng.

Chiếc Bentley đậu bên trái cửa nhà, cho nên tôi nhìn rất rõ đài phun nước. Tôi cũng nhìn thấy một kẻ lang thang đang đứng tựa vào đó. Lão mặc một chiếc áo choàng tả tơi và đôi cái mũ nhàu nhĩ cùng đôi giày thủng lô chỗ. Lão đeo chiếc khăn màu vàng quanh cổ, mặc dù thời tiết khá ấm áp. Cái bóng xấu xí của lão trông như một đốm đen không thích hợp ngay giữa vạt cỏ ngập nắng.

Lão này là ai mà lại dám xấc xược lang thang vào tư dinh nhà người ta vậy nhỉ? Một kẻ lang thang muốn rửa tay chăng? Hiển nhiên là không, bởi lão chỉ ngắm nhìn làn nước và thỉnh thoảng khua khoắng nhè nhẹ. Tôi lập tức gọi to. Lão thôi mơ màng và nhìn chòng chọc vào tôi lúc tôi sải bước lại gần, làm như thể tôi là kẻ nhúng mũi vào chuyện người khác vậy.

Tôi cảm nhận ngay được rằng có gì đó rất kỳ quái ở kẻ này. Không chỉ thái độ, mà là tất cả mọi điều. Có vẻ lão đã gần năm mươi với bộ râu ria màu nâu rối bù. Lão có cặp lông mày rậm rịt và, chinh ình trên cái mũi củ hành láng bóng là một cặp kính gọng sừng.

Tôi hỏi lão đang làm gì ở đây, bằng giọng cung kính hơn mức cần thiết trong tình huống này. Lão nhìn tôi, rồi ngắm nhìn làn nước thêm lần nữa mới chịu trả lời:

“Vui lòng vào bảo với ông Miller! Jack Radcliffe.”

Mặc dù hỏi lại một cách khá châm chọc rằng, liệu ông chủ tôi có hoan nghênh ông không, tôi vẫn thấy cái tên hơi quen tai, và nhận ra lý do khi lão trả lời, cũng bằng giọng vắn tắt như cũ:

“Không, nhưng sẽ gặp thôi. Tôi là anh họ Anna, vợ quá cố của ông ấy.”

Lão nhặt một cái là khô lên, khẽ khàng giữ bằng những ngón tay rồi thả lên mặt nước, để nó nổi một lúc thì ấn chìm xuống. Hành động này thật kỳ lạ, nhưng tôi không muốn mất thời gian để tìm hiểu ý nghĩa của nó.

Tôi thoái lui để báo cho ông Gordon. Ông có vẻ ngạc nhiên và thậm chí bối rối. Theo ông nhớ thì bà Miller chưa bao giờ nhắc đến người anh họ Jack nào cả. Nhưng ông có ấn tượng là bà tùng nhắc đến một ông bác chưa từng gặp hiện sống ở Scotland, vốn có hiềm khích với cha mẹ bà. Ông này có con cái song ông Gordon không rõ tên tuổi họ là gì.

Ông đi tới bên cửa sổ, trầm ngâm nhìn vị khách bên đài phun nước, và bảo tôi dẫn lão vào văn phòng mình.

Văn phòng, rộng rãi và có trần cao, cũng dùng làm phòng khách. Ánh sáng hướng Nam tràn ngập căn phòng nhờ một cửa sổ lồi, tạo cho không gian trong phòng một khoảng tròn lõm giữa hai khung cửa sổ khác. Đây là nơi bố trí bàn làm việc cùng máy đánh chữ của ông Gordon, và phải đi xuống vài bậc thềm mới đến được.

Bên mé Đông của căn phòng kê vài cái xô-pha, đối diện với một lò sưởi. Xung quanh lò sưởi ấy là những tủ sách xa hoa gắn trên tường. Gần giữa phòng có hai cây cột bát giác, một cái đỡ bộ áo giáp hoàn chỉnh từ thế kỷ 15, còn cái kia treo rất nhiều khiên và những thanh gươm bắt chéo nhau. Có lẽ người ta khó hình dung được hiệu ứng tổng thể nếu chưa nhìn thấy; chỉ xin nói, nó nằm trong ý niệm của ông Gordon, với nét bay bướm sân khẩu theo phong cách Gothic. Về mé Đông Nam, có một bức vách gỗ sồi làm giá đỡ cho bộ sưu tập vũ khí rất ấn tượng, đủ loại từ kích đến súng lục, rồi bàn chông và dao găm. Các hốc tường chứa hình sáp của những tên tội phạm khét tiếng và điểm xuyết quanh phòng là mặt nạ đủ loại. Hầu hết đều là đồ cổ đắt tiền, nhưng một số lại do chính ông Gordon tạo ra. Khi không bận rộn với một vở kịch mới, ông dành rất nhiều thời gian trong nhà xưởng dưới tầng ngầm để chế tạo những thứ này.

Buổi tối, toàn bộ phòng trưng bày hãi hùng đó hiện ra sống động nhờ hệ thống chiếu sáng khéo léo và tôi có thể quả quyết với các ông, tôi vẫn thấy rùng mình mỗi khi nhìn tất cả các món đồ cổ hung hiểm ấy. Còn có một chiếc bàn dài, nơi các đội quân đồ chơi tham gia những trận chiến không hồi kết; một pho tượng Kali bằng đồng đặt trên nóc cái rương cũ; và nhiều món đồ lạ lùng khác. Tôi nghĩ, tôi đã cung cấp đủ thông tin để hình dung về không khí và hiệu ứng tổng thể của gian phòng nơi ông Gordon tìm kiếm cảm hứng, và là nơi một cảnh tượng lạ lùng sắp xảy ra.

Tôi dẫn Jack Radcliffe vào văn phòng và thoái lui. Tôi không phải kẻ có thói quen nghe lén, nhưng vị khách này tạo ấn tượng rất kỳ lạ và tôi tự nhủ ông chủ của mình có thể gặp nguy hiểm. Sau một lúc do dự, tôi nhón chân quay lại, ghé mắt nhòm qua lỗ khóa…

“Như vậy,” ông Gordon nói, rót hai ly Whisky, “anh là con trai của ông bác mà Anna chưa hề gặp.”

“Ối chà!” Jack Radcliffe bật kêu, ngước nhìn bộ sưu tập vũ khí của chủ nhà. “Đó là một tranh chấp gia đình từ xưa không đáng nhắc đến. Thế Anna có bao giờ kể với chú về tôi không?”

“Tôi không thể nhớ ra điều gì cả.”

“Cũng không phải là lạ. Tôi chỉ gặp cô ấy một lần và đã khá lâu rồi. Cô ấy tới thăm chúng tôi ở Scotland, ngay sau khi ba tôi mất. Chúng tôi hòa hợp ngay với nhau. Tôi cho cô ấy xem đàn cừu của tôi, có vẻ cô ấy rất thích. Chúng tôi hứa sẽ gặp lại, nhưng chú biết tiếp theo thế nào rồi đấy. Cô ấy gặp chuyện không may, ôi người phụ nữ tội nghiệp. Tôi có đọc về vụ tai nạn trên báo. Chuyện đã hai năm rồi, phải vậy không?”

“Thực ra là hơn hai năm. Vào dịp tháng Tám. Chính xác là ngày 23. Tôi chẳng bao giờ quên được…”

“Tôi không có ý…”

“Anh biết đấy, tôi đã quá quen với chuyện này. Chẳng điều gì có thể đưa cô ấy trở lại được nữa.”

Jack Radcliffe buồn bã gật đầu, rồi nói thêm:

“Anna là người duy nhất tôi biết về phía gia đình bên nội và rất tự nhiên, tôi thấy thực sự gần gũi với cô ấy. Tôi muốn tìm hiểu thêm về Anna. Chú có thể kể cho tôi không? Mà làm thế nào chuyện bất trắc đó lại xảy ra?… Nhưng này, chú Miller, chắc tất cả mớ dao kiếm với súng ống kia phải mất cả đống tiền ấy nhỉ! Với đàn cừu, tôi chẳng bao giờ tậu được những thứ như vậy.”

“Chắc thể,” ông chủ tôi trả lời kèm nụ cười ngạc nhiên. “Nhưng anh cứ tự nhiên, anh Radcliffe, để tôi cởi áo khoác giúp anh.”

“Hiện tại mặc thế này tôi thấy ổn, cảm ơn chú. Có lẽ lát nữa tôi sẽ cởi.”

Mắt Radcliffe ánh lên giễu cợt trong khoảnh khắc, nhưng mau chíng bình thường trở lại, lão tiếp tục:

“Nhắc đến đàn cừu, tôi sắp phải bán chúng đi. Năm ngoái khó khăn quá… và có trời mới biết tôi sẽ làm gì tiếp theo… Nhưng chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ? À, phải. Cô Anna tội nghiệp.”

Ông Gordon nhấp một ngụm Whisky rồi tháo kính để lên bàn. Ông nhặt bốn quả bi thép nhỏ nhắn lên và chuyền lách cách giữa mấy ngón tay. Đây là thói quen của ông mỗi khi suy nghĩ về kịch bản hay một vấn đề gì đó.

“Tôi có thể nói gì với anh về Anna?” Ông bắt đầu. “Chắc anh cũng biết cô ấy từng kết hôn một lần. Tôi quen cô ấy từ dạo đó rồi, nhưng chúng ta không đi sâu vào chi tiết làm gì. Thực tế, cuối cùng cô ấy cũng ly dị tay người Mỹ ngu ngốc vốn chỉ nghĩ đến chuyện đếm tiền. Và chúng tôi kết hôn ngay. Một sự sum vầy hạnh phúc, nhưng ngắn ngủi, lạy Chúa.”

“Một sự sum vầy hạnh phúc,” Radcliffe nhắc lại, vẻ trầm tư, mắt nhìn quanh phòng. “Thật buồn cười, tôi không hình dung được người phụ nữ như Anna lại hạnh phúc ở nơi này. Nó khiến tôi sầu não, chắc chắn là vậy. Với tất cả mớ mặt nạ cứ trừng trừng nhìn xuống như thể muốn làm hại ta kia. Cô ấy có thường đến đây không?”

Ông chủ tôi mỉm cười bao dung với vị khách của mình.

“Thẳng thắn là không. Tôi nghĩ anh biết tôi viết những câu chuyện bí hiểm chứ?”

“Có ai lại không biết chú, chú Miller? Chỉ vì tôi chăn cừu ở Scotland không có nghĩa tôi mù tịt chuyện xã hội.” Lão tợp một ngụm whisky. “Không tệ, tôi phải nói vậy. Thu hoạch từ đầu cừu không đủ cho tôi mua được những thứ này.”

“Thế mà chúng nó lại đến từ vùng đất của anh đấy.”

“Tôi có ấn tượng rằng Anna tội nghiệp chẳng thiếu thốn gì cả, khi sống với chú.”

“Vâng, đúng là cô ấy không hề thiếu thốn gì.”

“Chú biết đấy, chú Miller, tôi không ghét bỏ những ngôi nhà sang trọng, nhưng chúng lại có khuynh hướng khiến tôi khó chịu. Khi chú dành cả đời mình ở thôn quê, chủ yếu là chăn cừu, thì rất khó quen được với lối sống này.”

“Tôi hiểu.”

“Chắc chú cũng hiểu, Anna chưa bao giờ biết đến một cuộc sống như của tôi. Bố cô ấy có hoàn cảnh khác ông anh vợ, tức là ông già nhà tôi. Nhưng, suy cho cùng, tôi lại nghĩ có khi cô ấy sẽ hạnh phúc hơn với một cuộc sống hướng ngoại, chú thấy sao?”

“Rất có thể,” ông Gordon trả lời, nhã nhặn song không giấu nổi đôi chút mai mỉa. “Mà chúng ta đến đâu rồi nhi? À, phải. Anh muốn tôi kể cho anh nghe về hoàn cảnh cái chết bi thảm của Anna.”

Ông chủ tôi vẫn duy trì được thái độ bình tĩnh, sự xuất hiện của kẻ lạ mặt kỳ cục này có vẻ làm ông ấy thích thú. Tôi hình dung ông đang phân tích lão để khai thác cho một cốt truyện tương lai. Nhưng dần dần, tôi nhận ra ông đang chuyền những viên bi nhỏ nhanh hơn, đây không phải một dấu hiệu tốt.

“Hôm đó, ngày 23 tháng Tám, tôi buộc phải ở lại Luân Đôn để gặp một giáo sư người Bỉ, Anna thì lấy xe ra bờ biển vịnh Heme. Lúc cô ấy xuống bãi biển là khoảng 2 giờ. Một vài người chứng kiến trông thấy cô ấy nằm trên cát. Chừng mười lăm phút sau, Anna ngồi dậy và lội xuống biển. Cô ấy bơi không giỏi, nhưng dĩ nhiên là những người chứng kiến không biết điều đó. Tôi có thể mô tả chính xác vị trí bởi sau sự việc đáng buồn này, tôi đã đến nơi ấy nhiều lần.

“Đó là một vịnh nhỏ với bãi biển cát đen lằn cuội sỏi, thiếu hắn nét hấp dẫn thường thấy ở các bãi biển Eastbourne. Có lẽ vì thế mà nó không thu hút nhiều người đến. Nhưng điều Anna tìm kiếm là không khí bình lặng và yên tĩnh. Đứng ở vịnh nhìn ra, có thể thấy bên trái là một chuỗi đá tảng nhô ra biển ba mươi thước, tảng cuối cùng đủ bằng phẳng để nằm lên. Có thể đến đó bằng cách bước từ tảng đá này sang tảng đá kia, nhưng như thế rất nguy hiểm. Tốt hơn là tiếp cận nó từ phía biển. Và Anna đã làm thế. Đó là một nơi vô cùng yên bình, với những con sóng vỗ nhịp nhàng vào bờ đá.

“Cô ấy ở tảng đá khoảng mười lăm phút, không mấy người tắm biển để ý. Nhưng một hai nguời đã lưu tâm khi Anna rời tảng đá và trượt xuống nước. Họ nhìn thấy Anna bơi ra biển và, chưa được hai mươi sải tay thì cô ấy biến mất dưới những lớp sóng. Một người đàn ông lập tức nhận ra cô ấy sắp đuối nước. Vốn là tay bơi rất giỏi, không đây ba mươi giây ông ta đã ra tới vị trí cô ấy biến mất. Theo những người chứng kiến, ông ta lặn xuống vài lần, cuối cùng trồi lên với xác Anna và mang vào bờ. Chẳng thể làm gì được nữa. Kiểu tai nạn như thể gần như mùa hè nào cũng xảy ra.”

Im lặng. Ông Gordon mở một hộp xì gà và đưa mời vị khách. Lão thong thả chọn lấy một điếu, châm lửa, bập bập vài hơi, và nói:

“Đúng là một kết cục đáng buồn, chú Miller. Rõ ràng Anna không sinh ra cho lối sống này.”

Những viên bi thép trên tay ông Gordon dồn lại với nhau kèm một tiếng cách khó khốc.

“Chính xác thì ý anh là gì, anh Radcliffe?”

“Chà, không muốn công kích gì đâu, nhưng chắc sẽ tốt hơn cho cô ấy nếu sống với ai đó không phải chú.”

Đôi mắt đen của ông Gordon thoáng lóe lên. Ông hỏi, chậm rãi và dứt khoát:

“Anh ám chỉ cô ấy tự tử phải không?”

“Tôi chẳng ám chỉ gì cả, chú Miller. Tôi chỉ nói chú không làm cô ấy hạnh phúc. Nhìn quanh chú xem. Cứ như hang ổ của quỷ Sa-tăng. Chú nghĩ mọi người đều giống chú ư? Rằng bất kỳ ai bình thường cũng sẽ vui vẻ sống giữa căn phòng này?”

“Điều gì khiến anh nghĩ Anna không hạnh phúc với tôi, anh Radcliffe?”

Ông chủ tôi rít lên như một con rắn, nhưng có vẻ chẳng hề gây ấn tượng với ông anh họ Jack. Lão đáp lại:

“Nếu tôi không lầm thì cô ấy có nhân tình.”

Ông Gordon đứng bật dậy, mặt tái mét, bước tới gần lão già chăn cừu, đứng khựng lại ở cự ly vài phân, chỉ một ngón tay vào cái mũi đỏ của lão.

“Nhân tình? Anna ư? Và làm sao mày biết, thằng ăn mày nát rượu kia?”

Một nụ cười nở rộng trên mặt Jack Radcliffe. Gương mặt lão biến đổi khi lão gỡ cái mũi giả và vẫy vẫy trước mặt vị chủ nhà.

“Làm sao ư, ông Miller? Lý do rất đơn giản, tôi chính là nhân tình của cô ấy.”

Mặt ông Gordon biến sắc, hàm răng nghiến chặt. Thế nhưng, vị khách vẫn chưa dừng lại:

“Chẳng có gì phải ngại khi thú thật với ông rằng tôi không phải là Jack, không phải anh họ cô ấy, và chẳng hề quan tâm đến chuyên chăn cừu. Tôi cũng chưa bao giờ ám chỉ Anna tự tử, bởi vì tôi biết đích xác rằng chính ông đã giết cô ấy.”

6

Câu chuyện của Peter Moore

Đ

ến đây, tôi bắt đầu băn khoăn không rõ cuộc trò chuyện lạ lùng này sẽ kết thức thế nào, nhưng hóa ra phía trước vẫn còn rất nhiều điều đáng ngạc nhiên.

Trên gương mặt ông Gordon, tuyệt nhiên không một thớ thịt nào cử động, nhưng tôi thấy rõ ông siết những viên bi thép chặt đến mức khớp xương đốt tay trắng bệch ra. Sau đó, rất bất ngờ, ông đột ngột hất đầu ra sau và bật lên một tràng cười ha hả. Phải mất vài giây ông mới lấy lại bình tĩnh. Ông đặt những viên bi xuống bàn, cẩn thận sắp cho chúng thẳng hàng với cái máy đánh chữ, và quay sang vị khách kèm một nụ cười giễu cợt.

“Tôi đoán chừng anh ở đây để đưa tôi tới một nơi tốt đẹp hơn.”

“Việc đó rất hấp dẫn, tin tôi đi, nhưng tôi thích giải quyết việc này như những quý ông.”

“ ‘Như những quý ông.’ Anh có ý hăm dọa tống tiên chăng?”

“Thực ra thì tôi không thích từ đó, nhưng phải thừa nhận là đúng như vậy. Đàn cừu của tôi đang già và cũng ít đi.”

“Phải, mùa đông vốn khắc nghiệt, phải vậy không? Nhưng trước khi chúng ta bắt đầu thương thuyết, tôi muốn biết rõ xem chính xác thì anh đang định bán cái gì, anh… anh là…?”

“Ông có thể gọi tôi là Jack. Thế rất ổn. Còn về thứ tôi muốn bán, đế tôi nhắc cho ông nhớ một câu ngạn ngữ xưa: ‘Im lặng là vàng.’ “

“Tôi hiểu, anh Jack, nhưng tại sao tôi lại cần mua sự im lặng của anh? Anh có bằng chứng về bất kỳ điều gì cho lời cáo buộc anh vừa đưa ra không?”

Jack mỉm cười, uống cạn ly rượu, rồi với lấy mấy viên bi thép. “Ồng không phiền chứ?”

Câu hỏi được nêu ra với một vẻ lịch sự thái quá. Ông Gordon đáp lời bằng giọng tôn kính và nhã nhặn không kém, “Xin mời.”

Jack nhặt mấy viên bi lên, bước lại phía ô cừa sổ lồi, chăm chú xem xét chúng dưới ánh nắng.

“Kỳ thật: một viên bi có vẻ mới hơn những viên khác. Nó bớt xỉn hơn… nói cách khác là sáng hơn. Cho tôi biết, thưa ông Miller, ông chuyền những viên bi này trên tay bao lâu rồi? Tôi đoán là cũng đã được một thời gian.”

“Tôi không hiếu chuyện đó thì…”